



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM TIN HỌC**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

7

Tháng 4 - 2008

HỘI THẢO

“LỊCH SỬ NGÀNH XÂY DỰNG VIỆT NAM”

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2008



Đồng chí Nguyễn Văn Liên - Thứ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì và phát biểu tại Hội thảo



Các đại biểu dự Hội thảo

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM TIN HỌC PHÁT HÀNH
NĂM THỨ CHÍN

7

SỐ 7 - 4/2008



TRUNG TÂM TIN HỌC

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Giới thiệu Nghị định số 29/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế 5
- Giới thiệu Chỉ thị số 10/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động 7
- Giới thiệu Quyết định số 315/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng 8
- Giới thiệu Thông tư số 04/2008/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thủ tục đăng ký và kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động 9
- Giới thiệu Thông tư 06/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị 10
- Giới thiệu Chỉ thị 01/2008/CT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về thực hiện công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai năm 2008 với các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng 12

Văn bản của địa phương

- Giới thiệu Quyết định số 08/2008/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng trên địa bàn Tỉnh Kiên Giang 13
- Giới thiệu Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS. HUỖNH PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG

CN. HOÀNG ĐẠI HẢI

CN. TRẦN HỒNG NHUNG

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu dự thảo 8 tiêu chuẩn chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO 17
- Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu công nghệ chế biến rác thải sinh hoạt thành phân bón hữu cơ sinh học đảm bảo tiêu chuẩn môi trường” 18
- Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Vật liệu cách nhiệt canxi silicat” 20
- Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt- Lào đến năm 2020 (Đoạn I- gồm các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh) 21
- Thị trường châu Âu các phương tiện vận chuyển và đổ bê tông 25
- Thông báo Danh sách các Phòng Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận trong tháng 02 và 3/2008 27
- Giới thiệu công nghệ sản xuất tấm kính pha lê nhân tạo 30

Thông tin

- Bộ Xây dựng công bố Quyết định thành lập Cục Phát triển đô thị và Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn 31
- Giải pháp để Hà Nội trở thành một thành phố văn minh hiện đại 32
- Các mô hình hợp tác xây dựng nhà ở và những khó khăn trong thực hiện 37
- Nghiên cứu thiết kế điển hình nhà ở công nhân khu công nghiệp - Đề tài mang tính thực tiễn cao 39
- Hội thảo INDOPORLEN trong lò sản xuất xi măng 42
- Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet 44



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Giới thiệu Nghị định số 29/2008/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế

Ngày 14/3/2008, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29/2008/NĐ-CP quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, trong đó có việc thành lập, hoạt động, chính sách và quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu.

Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm: cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu.

- Về trình tự và thủ tục thành lập khu công nghiệp và khu kinh tế:

+ Căn cứ chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất của cả nước và của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế.

+ Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế đã được phê duyệt là căn cứ để xem xét việc thành lập khu công nghiệp, khu kinh tế; xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ sự phát triển của khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Việc thành lập khu công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghiệp đã được phê duyệt; tổng diện tích đất công nghiệp của các khu công nghiệp đã được thành lập trên địa bàn lãnh thổ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã cho các dự án đăng ký đầu tư, cấp Giấy

chứng nhận đầu tư thuê đất, thuê lại đất ít nhất là 60%. Đối với việc mở rộng khu công nghiệp, ngoài điều kiện phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghiệp được duyệt, còn phải đáp ứng điều kiện tổng diện tích đất công nghiệp của khu công nghiệp đó đã cho các dự án đăng ký đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư thuê đất, thuê lại đất ít nhất là 60% và đã xây dựng và đưa vào sử dụng công trình xử lý nước thải tập trung.

- Đối với các khu kinh tế, Nghị định này quy định việc thành lập, mở rộng khu kinh tế phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển khu kinh tế đã được phê duyệt; có vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển kinh tế khu vực, kết nối thuận lợi với các trục giao thông huyết mạch của quốc gia và quốc tế, có điều kiện thuận lợi và nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật; có quy mô diện tích từ 10.000ha trở lên; không tác động tiêu cực đến các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản văn hóa vật thể, danh lam thắng cảnh, phù hợp với bố trí quốc phòng và đảm bảo quốc phòng, an ninh, có điều kiện đảm bảo yêu cầu về môi trường, môi sinh và phát triển bền vững...

- Điều kiện thành lập khu kinh tế cửa khẩu bao gồm: Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển khu kinh tế đã được phê duyệt; Có cửa khẩu quốc tế hoặc cửa khẩu chính quy định tại Nghị định số 32/2005/NĐ-CP của Chính phủ về Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền; bao gồm các đơn vị hành chính liền kề, không tách biệt về không gian; Kết nối thuận lợi với các trục giao thông huyết mạch của quốc gia; giao lưu thuận tiện với các nước láng giềng, qua cửa khẩu biên giới đất liền của nước bạn, có điều

kiện thuận lợi và nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật; Đáp ứng yêu cầu phát triển tổng hợp của khu kinh tế cửa khẩu; Gắn kết giữa phát triển kinh tế với việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia tại khu vực biên giới; Không tác động tiêu cực đến các khu bản tồn thiên nhiên..., có điều kiện đảm bảo yêu cầu về môi trường và phát triển bền vững.

Khu công nghiệp là địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng chính sách ưu đãi áp dụng với địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào khu công nghiệp, kể cả dự án đầu tư mở rộng, được hưởng các ưu đãi:

+ Dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được áp dụng ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

+ Dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và dự án đầu tư vào sản xuất trong khu công nghiệp được áp dụng ưu đãi đối với dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào khu kinh tế, kể cả dự án đầu tư mở rộng, được hưởng chính sách ưu đãi áp dụng đối với địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của Nghị định này.

- Các dự án đầu tư được hưởng ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư và thực hiện tại khu kinh tế hoặc tại khu công nghiệp được thành lập tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Dự án đầu tư xây

dựng và kinh doanh hạ tầng khu phi thuế quan trong khu kinh tế; Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao tại khu công nghiệp, khu kinh tế; Dự án đầu tư có quy mô lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển ngành, lĩnh vực hoặc phát triển kinh tế - xã hội của khu vực tại khu công nghiệp, khu kinh tế sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

+ Giảm 50% thuế thu nhập đối với người có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập, kể cả người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế.

+ Chi phí đầu tư xây dựng, vận hành hoặc thuê nhà chung cư và các công trình kết cấu hạ tầng xã hội phục vụ cho công nhân làm việc tại khu công nghiệp, khu kinh tế là chi phí hợp lý được khấu trừ để tính thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp có dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế trong phạm vi cả nước trên cơ sở phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng Bộ, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý theo quy định tại Nghị định này; chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển và ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế.

Nghị định này còn quy định về quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và bãi bỏ Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg ngày 19/4/2004 về chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu biên giới và Quyết định số 273/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg; bãi bỏ các quy định khác về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trái với quy định của Nghị định này.

(Xem toàn văn tại www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Chỉ thị số 10/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động

Ngày 14/3/2008, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 10 /2008/CT-TTg về việc tăng cường thực hiện công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động.

Chỉ thị này nêu rõ, từ năm 1994 đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ luật Lao động về bảo hộ lao động, an toàn lao động. Quá trình thực hiện các văn bản đó đã tạo sự chuyển biến đáng kể về nhận thức, nâng cao tinh thần trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động trong việc bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện làm việc, góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, việc chấp hành pháp luật lao động về bảo hộ lao động, an toàn lao động của người sử dụng lao động và người lao động ở một số nơi chưa tốt, nhất là trong thời gian gần đây, tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp có xu hướng gia tăng, nhiều vụ tai nạn lao động nghiêm trọng đã xảy ra, đặc biệt trong các lĩnh vực xây dựng, khai thác khoáng sản gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình hình này là do công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động chưa được quan tâm đúng mức; ý thức chấp hành các quy định về an toàn lao động của người sử dụng lao động và người lao động còn thấp, công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn lao động của các Bộ ngành, địa phương chưa được thường xuyên, kịp thời, đặc biệt tại các công trình trọng điểm của Nhà nước; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo hộ lao động, an toàn lao động còn nhiều hạn chế, những hành vi vi phạm về an toàn lao động gây hậu quả nghiêm trọng chưa được xử lý nghiêm...

Để phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động, góp phần ổn định và phát triển sản xuất, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ thị Bộ Lao động - Thương binh và xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, điều phối có hiệu quả các hoạt động của chương trình quốc gia về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động đến năm 2010; rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định của pháp luật lao động về bảo hộ lao động, an toàn lao động; đề xuất ban hành mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn lao động; nghiên cứu đề xuất xây dựng Luật An toàn lao động, vệ sinh lao động... Các Bộ, ngành tăng cường chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động trong các cơ sở thuộc Bộ, ngành và lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công. Bộ Xây dựng chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, đặc biệt là các công trình có người lao động làm việc trên cao, các đơn vị khai thác vật liệu xây dựng, các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trên các công trường xây dựng, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng..., tăng cường quản lý chất lượng công trình trong các khâu khảo sát, thiết kế, thi công, bảo hành và bảo trì công trình xây dựng...

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương phối hợp với các Bộ,

ngành liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động về bảo hộ lao động, an toàn lao động của các cơ sở sản xuất trên địa bàn, kiên quyết xử phạt những hành vi vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động...

Đài truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng chuyên mục về an toàn lao động để phổ biến kiến thức, pháp luật về bảo hộ lao động, an toàn lao động và kinh nghiệm phòng, chống tai nạn lao động.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, người đứng đầu các đơn vị, cơ sở trong phạm vi trách nhiệm của mình phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn cùng cấp, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này và chịu trách nhiệm trước Chính phủ nếu để xảy ra tai nạn lao động gây hậu quả nghiêm trọng.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 315/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng

Ngày 24/3/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 315/QĐ-TTg về các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng

Theo Quyết định này, các đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ bao gồm Viện Vật liệu Xây dựng, Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội và Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 51 của Luật Giáo dục năm 2005 bao gồm các trường: Cao đẳng Xây dựng số 1, số 2, số 3, Cao đẳng Xây dựng miền Tây, Cao đẳng Xây dựng công trình đô thị, Cao đẳng Xây dựng Nam định. Đơn vị thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của Luật Dạy nghề năm 2006 là Trường Cao đẳng nghề cơ giới, cơ khí xây dựng số 1.

Các đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng bao gồm: Trường Trung học Xây dựng số 4; Bệnh viện Xây dựng; chuyển 4 đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Bộ Xây dựng về Bệnh viện xây dựng và tổ chức thành các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bệnh

viện Xây dựng gồm: Bệnh viện Xây dựng Việt Trì, Trung tâm phục hồi chức năng - điều trị bệnh nghề nghiệp Đồ Sơn, các Trung tâm Điều dưỡng - phục hồi chức năng Sầm Sơn, Cửa Lò; Chuyển đổi hình thức hoạt động của Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn xây dựng từ đơn vị sự nghiệp tự trang trải kinh phí thành mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên trực thuộc Tổng Công ty tư vấn xây dựng Việt Nam. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình (mới); Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Bảo tàng lịch sử quốc gia; Văn phòng dự án "Chương trình quy hoạch môi trường đô thị Việt Nam"; chuyển Ban Quản lý dự án đầu tư khảo sát quy hoạch xây dựng về Cục Phát triển đô thị và tổ chức thành đơn vị sự nghiệp thuộc Cục Phát triển đô thị; chuyển Ban quản lý dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị về Cục Hạ tầng kỹ thuật và tổ chức lại thành đơn vị sự nghiệp trực thuộc Cục Hạ tầng kỹ thuật.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Thông tư 04/2008/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thủ tục đăng ký và kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

Ngày 27/2/2008, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 04/2008/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thủ tục đăng ký và kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Thông tư này áp dụng đối với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, kể cả các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân người nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Thông tư này quy định thủ tục kiểm định như sau:

- Đối với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu kiểm định:

+ Thông báo nhu cầu kiểm định bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc gửi theo các hình thức khác để đơn vị kiểm định tiến hành kiểm định: lần đầu; định kỳ; bất thường.

+ Cung cấp các tài liệu kỹ thuật liên quan đến đối tượng kiểm định, cử người đại diện chứng kiến quá trình kiểm định.

+ Khắc phục các hiện tượng không bảo đảm an toàn liên quan đến công việc kiểm định và tạo điều kiện cho đơn vị kiểm định thực hiện việc kiểm định.

+ Có trách nhiệm báo cáo ngay cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục An toàn Lao động) việc từ chối tiến hành kiểm định của các đơn vị kiểm định để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Đối với đơn vị kiểm định

+ Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ sở) có sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, đơn vị kiểm định phải thống nhất với cơ sở về việc tiến

hành kiểm định, nếu không thực hiện được yêu cầu kiểm định của cơ sở, phải thông báo cho cơ sở bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Thực hiện việc kiểm định theo đúng quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành.

Đối với các loại máy, thiết bị chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành mà đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, thì đơn vị kiểm định có thể căn cứ vào các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình kiểm định quốc tế hoặc của các nước đã được Việt Nam thừa nhận để thực hiện việc kiểm định.

+ Khi đối tượng kiểm định đủ điều kiện an toàn đưa vào sử dụng, chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố biên bản kiểm định, đơn vị kiểm định phải cấp cho cơ sở Phiếu kết quả kiểm định (01 bản) theo mẫu số 01 kèm theo Thông tư này.

+ Trong quá trình kiểm định, nếu đơn vị kiểm định phát hiện đối tượng kiểm định có nguy cơ dẫn đến sự cố, tai nạn lao động thì phải ngừng việc kiểm định, báo cho cơ sở biết để có biện pháp khắc phục.

+ Trong quá trình kiểm định, nếu đơn vị kiểm định vi phạm các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về an toàn lao động, mà gây thiệt hại đối với cơ sở thì tùy theo mức độ thiệt hại, đơn vị kiểm định phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

Đối tượng áp dụng của Thông tư này là các loại máy, thiết bị, vật tư thuộc danh mục quy định tại phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

Thủ tục đăng ký được quy định tại Thông tư này như sau:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ

ngày nhận được phiếu kết quả kiểm định, cơ sở hoặc đơn vị được cơ sở uỷ quyền, phải chuyển trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện/fax/ thư điện tử hồ sơ đăng ký đến thanh tra lao động thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội để đăng ký trước khi đưa đối tượng vào sử dụng. Hồ sơ đăng ký bao gồm những giấy tờ sau: Tờ khai đăng ký theo mẫu số 02 kèm theo thông tư này và Phiếu kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (bản photocopy).

+ Đăng ký lần đầu trước khi đưa đối tượng vào sử dụng và chỉ thực hiện một lần.

+ Việc đăng ký lại đối tượng được áp dụng đối với các trường hợp sau: Khi chuyển đổi sở hữu đối tượng; Chuyển vị trí lắp đặt đối tượng; Sau khi cải tạo, sửa chữa làm thay đổi kết cấu chịu lực, thông số kỹ thuật của đối tượng đã đăng ký.

+ Việc đăng ký sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động) do Bộ Công thương hướng dẫn theo quy định của Chính phủ. Cơ sở vẫn phải gửi bản sao giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đến thanh tra lao động thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện/ fax).

Địa điểm đăng ký:

+ Cơ sở đăng ký các loại máy, thiết bị tại Thanh tra lao động thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội nơi các loại máy, thiết bị được lắp đặt, sử dụng cố định.

Đối với các loại máy, thiết bị sử dụng lưu động như: cần trục ô tô, cần trục bánh lốp, cần trục tháp, máy vận thăng, sản phẩm di động

thì cơ sở thực hiện đăng ký tại Thanh tra lao động thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội nơi có trụ sở chính của cơ sở; Đồng thời thông báo bằng văn bản với thanh tra lao động thuộc Sở Lao động-Thương binh và xã hội nơi cơ sở sử dụng các loại máy, thiết bị tại một địa điểm cụ thể, trong một thời gian nhất định.

+ Đối với các đối tượng có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động của các cơ sở thuộc lực lượng vũ trang thì thực hiện đăng ký theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc cơ sở thuộc phạm vi quản lý thực hiện theo đúng quy định của Thông tư này và nghiên cứu, đề xuất Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 23/2003/TT-LĐTĐ ngày 3/11/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, hướng dẫn thủ tục đăng ký và kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Các đối tượng đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký trước khi Thông tư này có hiệu lực vẫn còn giá trị trừ các đối tượng thuộc diện phải đăng ký lại theo quy định tại điểm c, tiết 2.1, mục II của Thông tư này.

(Xem toàn văn tại :www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Thông tư 06/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị

Ngày 20/3/2008, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư 06/2008/TT-BXD hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị.

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, nâng cao chất lượng các dịch vụ công ích đô thị và khuyến khích các

tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia thực hiện các dịch vụ công ích đô thị, Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị như sau:

1. Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi

phí sử dụng xe máy và thiết bị, chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức. Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị được xác định theo công thức tính như sau:

- Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị = Tổng (Khối lượng của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị x Đơn giá của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị) + Chi phí quản lý chung + Lợi nhuận định mức.

Khối lượng của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị được xác định theo kế hoạch hoặc nhiệm vụ đột xuất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

Đơn giá của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị bao gồm các thành phần chi phí về vật liệu, nhân công, sử dụng xe máy và thiết bị (gọi là chi phí trực tiếp). Chi phí trực tiếp được xác định cụ thể như sau:

- Chi phí vật liệu là chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ trong quá trình thực hiện các dịch vụ công ích đô thị, được xác định theo công thức:

Chi phí vật liệu = Tổng (định mức hao phí từng loại vật liệu để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị x giá của từng loại vật liệu tương ứng)

Giá vật liệu phải hợp lý và phù hợp với mặt bằng giá thị trường, xác định trên cơ sở báo giá của các nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp hoặc giá đã được áp dụng cho các công tác khác có cùng tiêu chuẩn về chất lượng hoặc giá do địa phương công bố và phải đảm bảo tính cạnh tranh (giá vật liệu cấu thành trong đơn giá chưa bao gồm thuế VAT).

- Chi phí nhân công là toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp thực hiện các dịch vụ công ích đô thị và được xác định như sau:

Chi phí nhân công = Tổng (định mức hao phí ngày công cấp bậc của công nhân để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị x Giá nhân công ngày công cấp bậc của công nhân tương ứng).

- Chi phí sử dụng xe máy và thiết bị là chi phí sử dụng xe máy và thiết bị trực tiếp thực hiện các dịch vụ công ích đô thị:

Chi phí sử dụng xe máy và thiết bị = Tổng (định mức hao phí ca xe máy và thiết bị của

từng loại xe máy và thiết bị để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị x giá ca xe máy và thiết bị tương ứng)

- Chi phí quản lý chung là chi phí quản lý của doanh nghiệp, chi phí phục vụ trực tiếp quản lý chung (bao gồm cả công cụ lao động), chi phí phục vụ công nhân, chi phí trả lãi vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, chi phí tiền ăn giữa ca, các khoản phí, lệ phí, chi phí thuê tài sản, thuê mặt bằng nhà xưởng (nếu có), chi phí thuê kiểm toán và các khoản chi phí khác.

Chi phí quản lý chung trong dự toán dịch vụ công ích đô thị do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét quyết định với tỷ lệ không quá 70% trên chi phí nhân công trực tiếp và được xác định tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương và từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị có chi phí sử dụng máy và thiết bị lớn hơn 60% chi phí trực tiếp thì chi phí quản lý chung được tính tỷ lệ không quá 5% chi phí sử dụng xe máy và thiết bị.

Trường hợp có đặc thù riêng, tỷ lệ chi phí quản lý chung vượt quá tỷ lệ trên thì UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định.

- Lợi nhuận định mức được tính tỷ lệ không quá 5% trên chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung trong giá dự toán thực hiện dịch vụ công ích.

2. Hợp đồng dịch vụ công ích đô thị là hợp đồng dân sự giữa cơ quan quản lý của địa phương với các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công ích đô thị.

Về giá hợp đồng có các hình thức giá hợp đồng trọn gói; Giá hợp đồng theo đơn giá cố định; Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh và Giá hợp đồng kết hợp.

Thông tư này thay thế Thông tư số 17/2005/TT-BXD ngày 01/11/2005 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp lập và quản lý giá dự toán dịch vụ công ích đô thị, và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Chỉ thị 01/2008/CT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về thực hiện công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai năm 2008 với các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng

Ngày 21/3/2008, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Chỉ thị số 01/2008/CT-BXD về thực hiện công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai năm 2008 với các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng. Tại Chỉ thị này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty, Thủ trưởng các đơn vị và Giám đốc các công ty thuộc Bộ Xây dựng tổ chức thực hiện:

- Tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác chỉ đạo phòng chống, giảm nhẹ thiên tai năm 2007, phát huy những việc đã làm tốt, mang lại hiệu quả thiết thực, đồng thời làm rõ những nguyên nhân, những mặt còn hạn chế, yếu kém để đề ra các biện pháp khắc phục ngay trước mùa mưa bão năm 2008.

- Củng cố, kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống, giảm nhẹ thiên tai của đơn vị. Tổ chức hoặc cử người theo học tại các khoá tập huấn về biện pháp ứng phó với một hình thức thiên tai. Phổ biến rộng rãi các kiến thức về phòng chống giảm nhẹ thiên tai cho toàn thể cán bộ, công nhân viên chức trong đơn vị. Nếu điều kiện cho phép thì tổ chức lực lượng ứng phó chuyên trách của đơn vị.

- Chủ động xây dựng phương án, kế hoạch phòng chống và giảm nhẹ thiên tai cho đơn vị mình trên cơ sở bảo đảm các nội dung: An toàn cho người, phương tiện thi công, nhà ở, doanh trại, nhà xưởng, kho tàng, bến bãi.... đặc biệt đối với các công trình thủy điện, giao thông, nhà ở và đô thị, các nhà máy sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng, đồng thời kết hợp việc bảo đảm an toàn cho dân cư và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật của khu vực đóng quân và thi công. Đối với các đơn vị hiện đang đóng quân hoặc đang thi công trên các khu vực dễ bị ảnh hưởng của

lũ quét, sạt lở phải đặc biệt chú ý xây dựng phương án cho các trường hợp cần thiết để khẩn trương sơ tán người và các loại máy móc, thiết bị ra khỏi khu vực ảnh hưởng của lũ quét, sạt lở.

- Phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, kịp thời huy động lực lượng, phương tiện tham gia phòng chống, tìm kiếm, cứu nạn theo yêu cầu của địa phương.

- Khi nghiên cứu lập dự án đầu tư cần chú ý hơn nữa ảnh hưởng của thiên tai trong thi công xây dựng cũng như trong suốt quá trình vận hành dự án.

- Thường xuyên theo dõi tình hình diễn biến thời tiết trên các phương tiện thông tin đại chúng và tuân theo sự chỉ dẫn của Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão Trung ương cũng như Ban chỉ huy phòng chống giảm nhẹ thiên tai của Bộ Xây dựng. Trong trường hợp có thiên tai xảy ra phải tổ chức chỉ huy, trực ban trong suốt thời gian thiên tai ảnh hưởng, thường xuyên báo cáo về Bộ Xây dựng tình hình, diễn biến ảnh hưởng của thiên tai đối với đơn vị mình.

- Các đơn vị có trụ sở tại địa bàn các địa phương xảy ra thiên tai cần có phương án cung ứng kịp thời các loại hàng hoá, vật tư, vật liệu chủ yếu để khắc phục tình trạng đầu cơ, nhằm bình ổn giá, góp phần khắc phục hậu quả sau thiên tai.

- Vụ Khoa học công nghệ chủ trì, phối hợp Viện Khoa học công nghệ xây dựng triển khai thực hiện các động tác mẫu, các biện pháp cụ thể để gia cố công trình trong mùa mưa bão để Đài Truyền hình Việt Nam quay, phát sóng trên toàn quốc trong chương trình phổ biến kiến thức khoa học.

- Vụ Kế hoạch thống kê, Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn và các đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thành Đề án “Chung sống an toàn với lũ, lụt ở các tỉnh ven biển miền Trung” trình Thủ tướng Chính phủ.

- Ban chỉ huy Phòng chống, giảm nhẹ thiên tai Bộ Xây dựng chỉ đạo tổng hợp các kiến thức khoa học về phòng chống, giảm nhẹ thiên tai

thuộc lĩnh vực xây dựng, đặc biệt về nhà ở, tổ chức in ấn phát hành tài liệu hướng dẫn cho các đơn vị, địa phương; Chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch thống kê, Vụ Tổ chức cán bộ, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả thực hiện Chỉ thị của Bộ trưởng.

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Giới thiệu Quyết định số 08/2008/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng trên địa bàn Tỉnh Kiên Giang

Ngày 05/2/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành quyết định số 08/2008/QĐ-UBND quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình

xây dựng trên địa bàn tỉnh. Kèm theo Quyết định này là biểu mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng	Đồng/giấy	
- Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà lần đầu		
+ Cá nhân		100.000
+ Tổ chức		500.000
- Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình lần đầu		
+ Cá nhân		500.000
+ Tổ chức		500.000
- Cấp đổi, cấp lại, xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu		
+ Nhà ở		50.000
+ Công trình xây dựng		50.000

- Tổ chức, cơ quan có thẩm quyền thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng có nhiệm vụ thu lệ phí và được trích lại 70% trên tổng số thu về lệ phí để trang trải chi phí cho việc thực hiện nhiệm vụ mục tiêu và thu lệ phí theo quy định; phần còn lại 30% phải nộp ngân sách Nhà nước.

- Tổ chức, cơ quan hoặc đơn vị được ủy quyền thu lệ phí phải niêm yết và công khai danh mục và mức thu áp dụng thống nhất tại quầy thu - nơi trực tiếp thu tiền lệ phí.

Quyết định này thay thế Điều 10 của Bản quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 12/2006/QĐ-UBND ngày 24/3/2006 của UBND tỉnh Kiên

Giang về việc ban hành quy định về quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và thay thế Quyết định số 08/2007/QĐ-UBND ngày 08/02/2007 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc quy định mức thu; chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy, cấp đổi, đổi lại, xác nhận thay đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Các quy định khác có liên quan của UBND tỉnh Kiên Giang trái với các quy định tại Quyết định này đều được bãi bỏ.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 14/4/2008, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế quy định tại Điều 36 (trừ điểm đ khoản 1 và điểm b khoản 2) của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật Đất đai; khoản 3 Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần và các Điều

33, 34, 35, 38, 39, 40 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Đối với các dự án sử dụng vốn ODA: áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Không áp dụng Quy định này đối với cộng đồng dân cư xây dựng, chỉnh trang các công trình phục vụ lợi ích chung của cộng đồng bằng nguồn vốn do nhân dân đóng góp hoặc Nhà nước hỗ trợ.

Đối tượng áp dụng Quy định này là các tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài

đang sử dụng đất bị Nhà nước thu hồi đất và có đủ điều kiện để được bồi thường đất, tài sản, thì được bồi thường theo quy định; Người bị thu hồi đất, bị thiệt hại tài sản gắn liền với đất bị thu hồi, được bồi thường đất, tài sản, được hỗ trợ và bố trí tái định cư theo Quy định này.

Các trường hợp không được chi trả bồi thường và bố trí tái định cư bao gồm: Người thuê, mượn đất của người có đất bị thu hồi; Người nhận góp vốn liên doanh, liên kết nhưng chưa chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản sang tổ chức liên doanh, liên kết; các đối tượng khác không được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Việc xử lý tiền bồi thường, hỗ trợ (nếu có) giữa người có quyền sử dụng đất hợp pháp và chủ sở hữu tài sản trên đất bị thu hồi là người thuê, mượn lại đất, nhận góp vốn liên doanh, liên kết được giải quyết theo quy định về quan hệ dân sự và hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Bồi thường về đất được thực hiện theo nguyên tắc:

- Người bị Nhà nước thu hồi đất có đủ điều kiện quy định tại Điều 8 của Quy định này thì được bồi thường; trường hợp không đủ điều kiện được bồi thường thì được xem xét để hỗ trợ theo Quy định này.

- Người bị thu hồi đất đang sử dụng vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng nhà ở (căn hộ chung cư) hoặc bằng giá trị quyền sử dụng đất cho phù hợp với thực tế tại thời điểm có quyết định thu hồi ở địa phương; trường hợp bồi thường bằng việc giao đất mới hoặc bằng nhà (căn hộ chung cư), nếu có chênh lệch về giá trị thì phần chênh lệch đó được thực hiện thanh toán bằng tiền.

- Trường hợp người sử dụng đất được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật thì phải trừ đi khoản tiền phải thực hiện nghĩa vụ tài chính vào số tiền được

bồi thường, hỗ trợ để hoàn trả ngân sách.

- Diện tích đất được bồi thường là diện tích được xác định trên thực địa - thực tế đo đạc diện tích thu hồi của từng người sử dụng đất.

Điều kiện để được bồi thường về đất: Người bị Nhà nước thu hồi đất, có một trong các điều kiện sau thì được bồi thường: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; Có quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai; Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có tranh chấp mà có một trong các loại giấy tờ sau:

- + Những giấy tờ về quyền sử dụng đất đai trước ngày 15/10/1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước CHXHCN Việt Nam;

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính;

- + Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng, cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa gắn liền với đất;

- + Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15/10/1993, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất sử dụng trước ngày 15/10/1993.

- + Giấy tờ về thanh lý, hóa giá nhà ở, mua nhà ở gắn liền với đất ở theo quy định của pháp luật;

- + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất.

...

Giá đất để tính bồi thường do Ủy ban nhân dân thành phố quy định tại thời điểm thu hồi đất theo mục đích sử dụng của đất bị thu hồi được công nhận theo quy định của pháp luật.

Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có các quy định rõ về việc bồi thường đối với đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân, của tổ chức, bồi thường đối với đất phi nông nghiệp là đất ở, bồi thường đất ở đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất và nhà chung cư, nhà tập thể nhiều hộ, nhiều tầng...

Chính sách hỗ trợ di chuyển, ổn định đời sống của thành phố đối với các trường hợp bị thu hồi đất bao gồm:

- Đối với hộ dân cư: Hỗ trợ di chuyển 3.000.000/hộ trường hợp di chuyển trong thành phố. Riêng nhà cấp 4, nhà tạm hỗ trợ 2.000.000đ/hộ và 5.000.000đ/hộ đối với trường hợp di chuyển sang tỉnh, thành phố khác. Trường hợp phải tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà nhưng không bị thu hồi toàn bộ đất, có đủ điều kiện để xây dựng lại nhà tại nơi cũ trên diện tích còn lại thì được tính hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời bằng 50% mức hỗ trợ của trường hợp phải di dời đến nơi khác.

- Đối với cơ quan, đơn vị và tổ chức khác: hỗ trợ theo khối lượng và chi phí thực tế di chuyển do Hội đồng Bồi thường của dự án xem xét, xác định mức hỗ trợ cụ thể cho từng trường hợp.

- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm được giao tại dự án, được hỗ trợ ổn định đời sống 500.000 đồng cho mỗi nhân khẩu nếu không phải di chuyển chỗ ở đến ở nơi khác và 1.000.000 đồng cho mỗi nhân khẩu có tên trong hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn (trước thời hạn thu hồi từ 6 tháng trở lên) tại căn nhà di chuyển đến nơi khác.

- Hộ gia đình và cá nhân bị thu hồi toàn bộ nhà ở, đất ở (không sản xuất nông nghiệp) phải di chuyển chỗ ở đến nơi khác được hỗ trợ 1.000.000 đồng cho mỗi nhân khẩu có tên trong hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn tại căn nhà phải di chuyển đến nơi khác.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi nhà, đất thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn nghèo của thành phố trong từng giai đoạn, ngoài việc được hưởng đầy đủ các chính sách bồi thường, hỗ trợ được quy định tại Quy định này còn được xem xét bố trí tái định cư, trợ cấp khó khăn thêm cho mỗi hộ gia đình nghèo là 2.000.000 đồng.

- Đối với tổ chức: hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 3 năm liền kề trước đó, được cơ quan thuế xác nhận.

- Đối với hộ đang sản xuất kinh doanh có giấy phép hoặc có đăng ký kinh doanh còn hiệu lực và có thực hiện nghĩa vụ thuế thì được hỗ trợ một lần 2.000.000 đồng đối với Hộ có doanh thu dưới 2.000.000 đồng/tháng; 4.000.000 đồng đối với hộ có doanh thu từ 2.000.000 đến 4.000.000 đồng/tháng; 6.000.000 đồng đối với hộ có doanh thu từ 4.000.000 đến 6.000.000 đồng/tháng; 10.000.000 đồng đối với hộ có doanh thu từ 6.000.000 đến 8.000.000 đồng/tháng. Hộ có doanh thu từ 8.000.000 đồng/tháng trở lên được hỗ trợ 30% một năm thu nhập sau thuế theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận nhưng không thấp hơn 10.000.000 đồng/hộ.

Các đối tượng chính sách khi phải di chuyển chỗ ở được hỗ trợ thêm 6.000.000 đồng/hộ đối với Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; 4.000.000 đồng/hộ đối với thương binh, gia đình liệt sĩ (cha mẹ, vợ, chồng, con là liệt sĩ); 2.000.000 đồng/hộ đối với gia đình có công với cách mạng, gia đình cách mạng lão thành, gia đình cán bộ hưu trí và các đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên khác.

Trường hợp trong một hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách được hưởng thì chỉ tính một mức hỗ trợ của đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)



Nghiệm thu dự thảo 8 tiêu chuẩn chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO

Ngay từ khi nước ta còn trong giai đoạn chuẩn bị gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) do đón bắt được các yêu cầu mới về hội nhập vào sân chơi quy chuẩn tiêu chuẩn kỹ thuật của thế giới, được sự hỗ trợ của Chính phủ và các Tổ chức quốc tế, Bộ Xây dựng đã chủ động triển khai các chương trình, dự án tập huấn tăng cường năng lực chuyên môn về công tác tiêu chuẩn hoá cho các tổ chức tư vấn, thiết kế, sản xuất, chế tạo trong ngành xây dựng; đồng thời cùng các bộ, ngành liên quan triển khai chương trình xét cấp chứng chỉ ISO cho các tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực sản phẩm.

Trong giai đoạn hiện nay, với nghĩa vụ phải tuân thủ nguyên tắc của Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) khi nước ta đã chính thức hội nhập WTO là: nguyên tắc tránh sự cản trở không cần thiết; nguyên tắc không phân biệt đối xử; nguyên tắc hài hoà; tương đương, thừa nhận lẫn nhau; phù hợp và minh bạch; tại Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 26/5/2005, Chính phủ đã phê duyệt Đề án triển khai thực hiện Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

Công tác tiêu chuẩn hoá giờ đây càng giữ vai trò quan trọng, vừa tác động giúp cho tiến trình hội nhập phát triển thương mại, sản xuất và dịch vụ với khu vực và quốc tế được hài hoà, thuận lợi khi các rào cản kỹ thuật được dỡ bỏ. Ngược lại, nó cũng là công cụ chế tài kỹ thuật để giúp bảo hộ cho nền công nghiệp xây dựng trong nước đứng vững và phát triển trước tác động cạnh tranh của cơ chế thị trường.

Do đó, bên cạnh việc tổ chức nghiên cứu, biên soạn công tác tiêu chuẩn hoá giờ đây bao gồm cả việc chuyển dịch hài hoà các tiêu

chuẩn kỹ thuật nước ngoài như của các tổ chức ISO (Tổ chức Tiêu chuẩn hoá quốc tế) EUROCODE (Tiêu chuẩn Châu Âu), DIN (Tiêu chuẩn Đức), BS (Anh), Australia, Mỹ....

Để tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng đa phương, đa dạng hoá, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình gia nhập WTO, việc xây dựng tiêu chuẩn Việt Nam theo phương pháp chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO là việc làm cần thiết. Trong chương trình hành động của các nước ASEAN cũng đã thống nhất hài hoà các tiêu chuẩn thông qua tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế. Tất cả các thành viên của Tổ chức này đều chấp nhận các tiêu chuẩn quốc tế có ảnh hưởng tới thương mại hàng hoá, giao dịch, dịch vụ, sức khoẻ, an toàn, vệ sinh môi trường.

Nhận rõ tầm quan trọng của việc chuyển dịch tiêu chuẩn quốc tế ISO thành tiêu chuẩn Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện Nghiên cứu Kiến trúc quốc gia biên soạn dự thảo 8 tiêu chuẩn:

- ISO 10209-4: 1996 Lập hồ sơ kỹ thuật - Từ vựng - Phần 4: Các thuật ngữ liên quan đến hồ sơ xây dựng;
- ISO 834 -9: 2003: Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận kết cấu của ngôi nhà - Phần 9 - Yêu cầu riêng đối với cấu kiện trần không chịu lực;
- ISO 6707/1: 2003: Nhà và công trình dân dụng - Từ vựng - Thuật ngữ chung;
- ISO 6512: 1982: Xây dựng nhà - Điều hợp Môđun - Chiều cao tầng và chiều cao phòng;
- ISO 13943: 2000 - An toàn cháy - Từ vựng;
- ISO 7737: 1986: Dung sai trong xây dựng
- Cách trình bày độ chính xác kích thước;
- ISO 6511 - 1982: Xây dựng nhà - Điều hợp

Môđun - Kích thước chiều đứng của mặt sàn theo môđun;

- ISO 128-23: 1999: Bản vẽ kỹ thuật - Những nguyên tắc chung về trình bày - Phần 23
- Đường nét trong bản vẽ xây dựng.

8 dự thảo này do TS Trần Thanh Ý chủ trì thực hiện. Ngày 21/02/2008 Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu 8 tiêu chuẩn này và đánh giá đạt loại khá.

Minh Tâm

Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu công nghệ chế biến rác thải sinh hoạt thành phân bón hữu cơ sinh học đảm bảo tiêu chuẩn môi trường”

Tháng 7/2005, Bộ Xây dựng có kế hoạch triển khai các dự án xử lý rác thải sinh hoạt theo Chỉ thị số 23/2005/CT-TTg ngày 21/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng các nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt “ứng dụng công nghệ trong nước, ưu tiên công nghệ tái chế và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia”. Từ đó, ngoài các khu xử lý rác tập trung trực thuộc quản lý của các cơ quan môi trường đô thị địa phương còn có một số doanh nghiệp ngoài quốc doanh cũng đã tích cực tham gia vào việc xử lý rác thải, đầu tư nghiên cứu lựa chọn công nghệ và xây dựng dây chuyền thiết bị. Đến nay đã có hai công nghệ trong nước được đánh giá, thẩm định và khuyến khích áp dụng, đó là công nghệ Seraphin của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Xanh Seraphin và công nghệ ASC của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Anh Sinh. Các địa phương đã xây dựng nhà máy xử lý rác thải theo các công nghệ này bao gồm thành phố Vinh, thị xã Sơn Tây (công nghệ Seraphin, công suất tương ứng 150 và 200 tấn/ngày), thành phố Huế (công nghệ ASC, công suất 100 tấn/ngày).

Theo kết quả thẩm định dây chuyền công nghệ và thiết bị xử lý rác Seraphin của Hội đồng Khoa học Kỹ thuật – Bộ Xây dựng ngày 03/02/2005, hội đồng đánh giá cao sự đóng góp tích cực của các công ty trong công tác xử lý rác thải, đồng thời cũng chỉ ra những điểm tồn tại cần tiếp tục đầu tư nghiên cứu hoàn thiện để triển khai nhân rộng. Do đó, việc nghiên cứu lựa chọn một quy trình kỹ thuật phù hợp để xử lý rác thải sinh hoạt thành phân bón

hữu cơ sinh học bao gồm: quá trình phân loại và xử lý sơ bộ phần rác hữu cơ, xử lý nguyên liệu rác hữu cơ sau phân loại, ủ compost trong thiết bị kiểu đứng, xử lý môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép là góp phần tích cực vào việc hoàn thiện các công nghệ xử lý rác thải trong nước, đáp ứng nhu cầu cấp bách hiện nay.

Xuất phát từ yêu cầu trên, ngày 27/3/2008, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu công nghệ chế biến rác thải sinh hoạt thành phân bón hữu cơ sinh học đảm bảo tiêu chuẩn môi trường” do kỹ sư Lê Quý Khả thuộc Viện Vật liệu Xây dựng làm chủ trì thực hiện.

Đề tài được thực hiện nhằm nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ và thiết bị ủ chất thải hữu cơ trong rác thải sinh hoạt để sản xuất phân bón hữu cơ sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường, góp phần hoàn thiện công nghệ xử lý rác thải Seraphin, từ đó triển khai áp dụng cho các cơ sở. Công nghệ mà đề tài nghiên cứu phải đảm bảo các tiêu chí công nghệ hiện đại, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quá trình sản xuất không gây ô nhiễm môi trường thứ cấp, tính hiệu quả kinh tế, vận hành và bảo dưỡng thuận tiện.

Nhóm đề tài đã quyết định chọn nhà máy xử lý rác Đông Vinh (Nghệ An) là cơ sở để nghiên cứu và khảo nghiệm. Thực tế cho thấy, công nghệ xử lý rác tại nhà máy Đông Vinh vẫn còn một số tồn tại như dây chuyền phân loại chưa mang tính tự động hoá cao, sử dụng nhiều lao động thủ công trong khi hiệu quả phân loại đạt

được còn hạn chế. Công tác xử lý nguyên liệu hữu cơ cho ủ compost chưa đảm bảo được điều kiện tối ưu về kích thước vật liệu, công đoạn bổ sung các chế phẩm sinh học thực hiện thủ công nên khó đạt được yêu cầu kỹ thuật cần thiết. Quy trình công nghệ ủ compost áp dụng phương pháp luống ủ động, thiết kế khoa học, tuy nhiên chưa có các thiết bị chuyên dụng phụ trợ trong khi yêu cầu kỹ thuật vận hành tương đối phức tạp nên còn có những khó khăn trong việc thực hiện cũng như kiểm soát môi trường. Quy trình công nghệ hoàn thiện sản phẩm sau ủ compost còn thiếu một số máy móc thiết bị cần thiết nên chưa đảm bảo công suất và yêu cầu chất lượng cao cho sản phẩm. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hợp phần công nghệ này là rất cần thiết, đặc biệt với công đoạn ủ compost, nếu được nâng cấp áp dụng phương pháp ủ trong thiết bị kín kiểu đứng sẽ đạt được hiệu quả cao trong vận hành, làm giảm đáng kể thời gian thực hiện quy trình, giảm diện tích sử dụng, đảm bảo chất lượng cũng như các tiêu chuẩn môi trường và đây cũng là mục tiêu chủ yếu của đề tài. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là sự bổ sung quan trọng cho các công nghệ xử lý rác thải trong nước đang được khuyến khích hiện nay.

Xuất phát từ những nhược điểm trong quy trình ủ compost đang áp dụng tại nhà máy Đông Vinh, nhóm đề tài đã đề xuất lựa chọn mô hình công nghệ ủ trong thiết bị kín, dạng đứng do có những ưu điểm như quá trình xử lý diễn ra trong một thiết bị kín nên có thể kiểm soát chặt chẽ; giảm các tác động do yếu tố thời tiết; nhu cầu sử dụng diện tích ít; giảm thiểu mùi hôi (do có hệ thống xử lý khí thải biofilter) và có thể tái sử dụng nước rửa rác; giảm thiểu sự xâm nhập của cát có hại (do thiết kế thùng kín); giảm thời gian xử lý; nhu cầu sử dụng điện và nhiên liệu giảm do không phải đảo trộn để thông khí; sản phẩm có chất lượng cao (do quá trình xử lý được điều khiển nghiêm ngặt) và có thể ứng dụng để xử lý nhiều loại rác khác nhau.

Kết quả chạy thử tổ hợp tháp ủ mà nhóm đề tài lựa chọn cho thấy, sản phẩm compost sau ủ

đạt được các chỉ tiêu tương đương với compost sản xuất bằng phương pháp ủ luống động, vì vậy hoàn toàn có thể ứng dụng tốt phương pháp ủ tháp để xử lý rác sản xuất compost. Theo kết quả phân tích khí thải của Trung tâm phân tích môi trường, khí thải của hệ thống tháp ủ rác thải hữu cơ để phân huỷ của đề tài tại nhà máy xử lý rác Đông Vinh – Nghệ An đạt tiêu chuẩn khí thải (TCVN 5939, 5938 – 2005). Kết quả kiểm tra hàm lượng kim loại nặng trong sản phẩm đều nhỏ hơn tiêu chuẩn cho phép. Trong quá trình làm việc, tình trạng thiết bị hoạt động bình thường, phù hợp với yêu cầu vận hành. Như vậy, đề tài đã đạt được mục tiêu đề ra, xử lý rác thải thành sản phẩm phân hữu cơ sinh học có chất lượng tốt, quá trình ủ đảm bảo các chỉ tiêu môi trường.

Sản phẩm của đề tài là một đơn nguyên thiết bị ủ compost chế biến rác thải hữu cơ thành phân bón hữu cơ sinh học dạng tháp, kích thước phần ủ 2x2x4,5 mét và các thiết bị phụ trợ. Theo đó, đưa ra quy trình công nghệ chế biến rác thải sinh hoạt thành phân bón hữu cơ sinh học dựa trên phương pháp ủ compost trong thiết bị kiểu đứng và phương án tổ hợp các đơn nguyên thành hệ thống ủ compost phù hợp với quy mô công suất của các nhà máy khác nhau.

Tóm lại, đề tài đã hoàn thành việc nghiên cứu, chế tạo và lắp đặt hệ thống thiết bị dạng tháp để ủ compost các thành phần hữu cơ trong rác thải sinh hoạt để ứng dụng thành công tại nhà máy xử lý rác Đông Vinh. Kết quả thực nghiệm của đề tài cho thấy, thiết bị ủ kiểu tháp đứng mà đề tài nghiên cứu hoàn toàn có thể triển khai nhân rộng để áp dụng cho các quy mô năng suất cũng như cho nhiều nhà máy khác nhau. Tuy nhiên, phương pháp này có hiện tượng tạo vòm trong đáy tháp nên phần ra liệu chưa thuận lợi, khi ra liệu phải phá vòm bằng thủ công và giá thành đầu tư cao hơn các phương pháp khác. Đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Khá.

Nguyễn Hồng Trang

Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Vật liệu cách nhiệt canxi silicat”

Sản phẩm cách nhiệt canxi silicat (viết tắt CS) được sử dụng nhiều trong các ngành công nghiệp xi măng, công nghiệp luyện kim, công nghiệp dầu khí... Sản phẩm cách nhiệt CS được nhiều nước trên thế giới sản xuất và có các chỉ tiêu kỹ thuật khác nhau.

Do vậy, để đảm bảo chất lượng và sử dụng sản phẩm phù hợp, cần lựa chọn loại sản phẩm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trên cơ sở tiêu chuẩn sản phẩm. Việt Nam sử dụng nhiều sản phẩm cách nhiệt CS nhập khẩu của Đức, Ấn Độ, Trung Quốc... song vẫn chưa có tiêu chuẩn nào quy định các chỉ tiêu đánh giá yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với vật liệu cách nhiệt CS. Do vậy, cần xây dựng một tiêu chuẩn nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng, đánh giá và phân loại vật liệu cách nhiệt CS đang sử dụng trong nước.

Xuất phát từ thực tiễn trên, ngày 04/4/2008, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành đã tiến hành nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Vật liệu cách nhiệt canxi silicat” do Thạc sỹ Cao Tiến Phú thuộc Viện Vật liệu Xây dựng chỉ trì thực hiện.

Nội dung của dự thảo gồm các phần chính như: Phân loại, Kích thước cơ bản của sản phẩm, Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử kèm theo 2 phụ lục quy định phương pháp xác định kích thước và phương pháp xác định độ bền uốn.

Vật liệu cách nhiệt CS được phân thành 3 loại, dựa trên các yếu tố nhiệt độ sử dụng, khối lượng thể tích và hình dạng ngoại quan của sản phẩm. Theo đó, loại I có nhiệt độ sử dụng tối đa 650°C, loại II có nhiệt độ sử dụng tối đa 1000°C. Xét theo khối lượng thể tích (tính theo đơn vị kg/m³) vật liệu cách nhiệt CS được phân thành các loại CS140, CS170, CS220, CS240 và CS280. Để có cơ sở so sánh các chỉ tiêu kỹ

thuật và xây dựng các chỉ tiêu kỹ thuật sản phẩm cách nhiệt CS, nhóm tác giả đã tìm hiểu các tiêu chuẩn phương pháp thử các chỉ tiêu kỹ thuật và thực hiện thử nghiệm, đồng thời kết hợp so sánh các yêu cầu kỹ thuật của các tiêu chuẩn quốc tế. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đã xây dựng yêu cầu kỹ thuật sản phẩm CS dựa trên các chỉ tiêu về độ ẩm, chỉ tiêu kỹ thuật độ bền nén, chỉ tiêu kỹ thuật độ bền uốn, chỉ tiêu kỹ thuật độ co nung, chỉ tiêu độ dẫn nhiệt, sai lệch kích thước và khuyết tật bên ngoài. Phương pháp xác định độ ẩm, khối lượng thể tích; phương pháp xác định độ bền nén và phương pháp xác định độ co nung của vật liệu cách nhiệt CS áp dụng theo phụ lục của các tiêu chuẩn vật liệu cách nhiệt đã ban hành. Trong quá trình biên soạn, nhóm tác giả đã tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế như GB/T 10699-1998, JIS A 9510 – 2001, ASTM C533-2001, ASTM C 656-2001 và BS 3958-2:1982. Dự thảo này sẽ dùng để áp dụng cho sản phẩm cách nhiệt CS sử dụng trong xây dựng và thiết bị công nghiệp.

Dự kiến sau khi được ban hành, tiêu chuẩn “Vật liệu cách nhiệt canxi silicat” là tiêu chuẩn duy nhất ở Việt Nam được dùng làm trọng tài để phân loại, đánh giá thử nghiệm các yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật sản phẩm cách nhiệt canxi silicat.

Tiêu chuẩn được ban hành giúp cho người sử dụng có cơ sở để lựa chọn loại sản phẩm phù hợp nhu cầu sử dụng và đưa ra các yêu cầu hợp lý đối với sản phẩm cách nhiệt canxi silicat, đồng thời góp phần hoàn thiện bộ Tiêu chuẩn Việt Nam về vật liệu cách nhiệt.

Dự thảo “Vật liệu cách nhiệt canxi silicat” đã được Hội đồng đánh giá cao và xếp loại Xuất sắc.

Nguyễn Hồng Trang

Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt- Lào đến năm 2020 (Đoạn I- gồm các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh)

Thực hiện tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại các nghị quyết về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2010; Chính phủ đã có Chương trình hành động thực hiện triển khai đầu tư đồng bộ, nâng cao chất lượng mạng lưới giao thông và phát triển mạng lưới đô thị, điểm dân cư nông thôn, qui hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Để cụ thể hoá Chương trình hành động của Chính phủ, về phía Bộ Xây dựng đã tiến hành lập nghiên cứu Quy hoạch xây dựng Vùng biên giới Việt - Lào đến năm 2020 đoạn I gồm 5 tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, nhằm xác định sự hình thành và phát triển hệ thống đô thị, các khu kinh tế cửa khẩu, tạo sự liên kết hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực nông thôn dọc tuyến biên giới; gắn phát triển hệ thống đô thị với kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh nhằm xây dựng vùng biên giới trở thành vùng có kinh tế phát triển, môi trường bền vững, biên giới ổn định hoà bình hữu nghị và hợp tác phát triển

Nội dung nghiên cứu quy hoạch này đã được báo cáo và tiếp thu hoàn chỉnh trên cơ sở ý kiến đóng góp bằng văn bản của UBND năm tỉnh thuộc khu vực quy hoạch.

Phạm vi nghiên cứu gồm 5 tỉnh: Điện Biên, Sơn La; Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh. Tổng chiều dài đường biên giới giáp CHDCND Lào là: 1.366km. Tổng diện tích đất tự nhiên là 57.301,64km². Có ranh giới tiếp giáp các tỉnh như sau: Phía Bắc giáp các tỉnh Lai Châu, Yên Bái, Phú Thọ, Hoà Bình, Ninh Bình; Phía Đông giáp biển Đông; Phía Tây giáp nước CHDCND Lào; Phía Nam giáp tỉnh Quảng Bình.

Những mục tiêu của đồ án:

- Góp phần cụ thể hoá các Nghị quyết số 37 - NQ/TW và số 39 - NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2010 và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị;

- Hình thành hệ thống đô thị và các khu kinh tế cửa khẩu vùng biên giới, trong đó xác định các đô thị động lực, đô thị thứ cấp, gắn sự phát triển đô thị và khu kinh tế cửa khẩu với đảm bảo an ninh quốc phòng đồng thời làm hạt nhân thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế góp phần xoá đói giảm nghèo nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào vùng biên giới.

- Xác định hệ thống hạ tầng kỹ thuật chủ yếu làm cơ sở cho sự phát triển hệ thống đô thị và khu vực nông thôn.

- Khai thác và phát huy tiềm năng, nguồn lực của các tỉnh trong vùng để xây dựng trở thành khu vực có kinh tế phát triển, môi trường bền vững, an ninh chính trị ổn định.

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý và kiểm soát xây dựng hệ thống đô thị.

Xét về tính chất của vùng, Vùng biên giới Việt - Lào có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng đối với cả nước và là vùng kinh tế tổng hợp, trong đó trọng tâm phát triển là ngành: Dịch vụ thương mại cửa khẩu; vùng phát triển lâm nghiệp, bảo vệ rừng đầu nguồn và đa dạng sinh học; cửa ngõ giao lưu phát triển kinh tế đối ngoại phía Đông và Tây của cả nước; vùng phát triển thủy điện, thủy lợi quan trọng; vùng phát triển công nghiệp chế biến, khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, nông nghiệp; vùng du lịch văn

hoá, lịch sử, sinh thái, nghỉ dưỡng cấp quốc gia và quốc tế.

Xét về vị thế và mối quan hệ vùng, Vùng biên giới Việt - Lào có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của quốc gia, có tiềm năng lớn về phát triển rừng, trồng cây công nghiệp, dược liệu, vùng nguyên liệu phục vụ ngành công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, khai thác chế biến khoáng sản, thủy điện, vật liệu xây dựng, công nghiệp, nhiều lợi thế trong trung chuyển hàng hóa, dịch vụ cho các nước tiểu vùng sông Mê Kông và quốc tế bằng đường sắt, đường hàng không, đường bộ, đường biển. Đây là khu vực giàu tiềm năng về du lịch, nhiều di tích lịch sử - văn hoá quan trọng. Nhân dân có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, lao động cần cù sáng tạo, có nền văn hoá phong phú đa dạng, nhiều dân tộc cùng chung sống đoàn kết.

Động lực phát triển kinh tế xã hội chủ yếu dựa trên lợi thế về chính sách của Đảng và Nhà nước, vị trí địa lý, hạ tầng kỹ thuật và mối quan hệ liên vùng mang tính quốc gia, quốc tế; các tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, con người, lịch sử văn hoá và nhất là lợi thế về hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, hệ thống cửa khẩu và hệ thống cảng biển nước sâu.

Khung quy hoạch vùng trong Định hướng phát triển không gian vùng gồm hai hệ thống chính là hệ thống hành lang kinh tế chiến lược quốc gia và quốc tế và hệ thống đường bảo vệ an ninh quốc phòng và phục vụ phát triển kinh tế.

Phân vùng tổ chức không gian bao gồm: Vùng núi Tây Bắc, vùng núi cao phía Tây các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, vùng trung du gò đồi các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, vùng đồng bằng ven biển các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh.

Trong hệ thống cửa khẩu biên giới, ngoài những cửa khẩu đã có sẽ nâng cấp một số cửa khẩu và mở thêm một số cửa khẩu mới tại

những khu vực có điều kiện thích hợp. Tổng số cửa khẩu trong vùng đến năm 2010 là 24 trong đó có 5 cửa khẩu quốc tế, 5 cửa khẩu quốc gia; 14 cửa khẩu phụ.

Mô hình phát triển hệ thống đô thị trong vùng là mô hình đa cực, theo dạng phân tán để hình thành nhiều đô thị động lực phù hợp với phân bố dân cư thúc đẩy sự phát triển kinh tế cho từng tiểu vùng đồng thời hỗ trợ sự phát triển vùng nông thôn.

Hệ thống đô thị trung tâm có chức năng tổng hợp bao gồm đô thị trung tâm cấp vùng (thành phố Vinh, Điện Biên Phủ), đô thị trung tâm vùng tỉnh, đô thị trung tâm các tiểu vùng.

Các hành lang phát triển kinh tế kỹ thuật - đô thị chủ đạo gồm có: Các hành lang phát triển kinh tế và đô thị hoá dọc hai bên QL1A, dọc đường cao tốc mới và đường Hồ Chí Minh, dọc hai bên QL6 + QL279, dọc hai bên QL217, QL7, QL8A, đường Hồ Chí Minh; hành lang kinh tế quốc phòng dựa trên tuyến đường hành lang biên giới từ cửa khẩu APaChải (tỉnh Điện Biên) và trục hành lang kinh tế ven biển.

Các định hướng phát triển chính cho khu vực dân cư nông thôn nêu ra việc hình thành các trung tâm cụm xã có chức năng là trung tâm dịch vụ thương mại - nông, lâm, nghiệp - công nghiệp cho một cụm xã và các thị tứ là trung tâm dịch vụ thương mại. Các tuyến đường giao thông chính liên xã, liên huyện sẽ được nâng cấp để kết nối với giao thông quốc gia và tỉnh, tạo thuận lợi cho giao lưu phát triển kinh tế. Các chương trình đầu tư thủy lợi kết hợp thủy điện nhỏ được thực hiện nhằm phục vụ tưới tiêu và cấp điện. Lập quy hoạch các điểm dân cư nông thôn khu vực có đất sản xuất và phát triển kinh tế tại các vùng đồng bằng, trung du, miền núi để ổn định dân cư theo kế hoạch, xoá bỏ hoàn toàn tình trạng du canh du cư.

Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật nêu ra các giải pháp công trình và phi công trình.

Giải pháp công trình trong quy hoạch thủy

lợi diện rộng bao gồm: Xây dựng các hồ chứa đầu nguồn (lớn, vừa và nhỏ) kết hợp đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, kết hợp thủy điện, xây dựng và củng cố các tuyến đê sông, đê biển, kè giảm sóng, chắn cát phù hợp với các yêu cầu và đặc thù của từng vùng dân cư, vùng kinh tế và cấp hạng đô thị; cải tạo lòng sông, hướng chảy một cách hợp lý để thông thoáng dòng lũ, hạn chế xói lở, lũ quét ..., xây dựng các công trình ổn định nền như: ta luy, tường chắn có chỉ tiêu kỹ thuật đúng với cấp công trình và tính chất, đặc thù của đất; xây dựng mô hình công trình dân dụng phòng tránh lũ cho vùng duyên hải Bắc Trung Bộ.

Giải pháp phi công trình trong quy hoạch thủy lợi bao gồm: Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm về các dạng thiên tai, hệ thống thông tin liên lạc giữa các cấp chính quyền (đặc biệt ưu tiên các vùng hạn chế về giao thông); bảo vệ rừng nguyên sinh, trồng mới rừng, rừng phòng hộ ven biển, đảm bảo độ che phủ trung bình đạt 45-50%; sử dụng đất một cách hợp lý.

Giải pháp chuẩn bị kỹ thuật và quản lý xây dựng bao gồm: Khống chế các điều kiện kỹ thuật bảo vệ đô thị và các điểm dân cư phù hợp với cấp hạng, quy mô của từng đô thị, điểm dân cư, lập quy hoạch giải pháp kỹ thuật tuân thủ theo quy hoạch, để phòng chống ngập lụt, nứt sụt đất, trượt lở đất, lũ, xâm nhập mặn, cát bay, cát chảy, động đất.

Hệ thống đường bộ của vùng gồm: Hệ thống đường theo hướng Bắc - Nam (Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Bắc - Nam); hệ thống đường theo hướng Đông - Tây (các quốc lộ 217, 7, 48, 8A); hệ thống đường khu vực Tây - Bắc (các quốc lộ 6, 37, 279, 43, 32 B, 4G và hệ thống đường hành lang biên giới, đường tuần tra biên giới phục vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng vùng ven biển).

Việc phát triển hệ thống đường sắt đòi hỏi cải tạo nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh đạt tiêu chuẩn đường sắt xuyên Á

kết hợp xây dựng mới một số tuyến đường sắt liên kết hệ thống đường sắt cải tạo thành mạng lưới đường sắt hoàn chỉnh kết nối hợp lý với mạng lưới đường bộ Quốc gia và hệ thống cảng biển; nghiên cứu dự án xây dựng tuyến đường sắt cao tốc vận tải hành khách xuyên Việt khổ 1,435m, kiến nghị hướng tuyến đi song song với hướng tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam mới.

Việc phát triển hệ thống đường thủy đòi hỏi nâng cấp hệ thống các cảng biển Nghi Sơn, Cửa Lò; cải tạo, nâng cấp hệ thống đường thủy nội địa đảm bảo khai thác vận tải thủy cho các địa phương.

Việc phát triển hệ thống đường hàng không đòi hỏi nâng cấp các sân bay vùng biên giới phục vụ phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng (các sân bay Điện Biên Phủ, Vinh phục vụ bay nội địa và có các hoạt động bay quốc tế, sân bay Nà Sản phục vụ nội địa).

Dự kiến đến năm 2010 có 85% dân số đô thị được cấp nước sạch với tiêu chuẩn 60-165 l/ng.ngđ; năm 2020 có 100% dân số đô thị được cấp nước với tiêu chuẩn 100-200 l/ng.ngđ. Quy hoạch cấp nước nông thôn đặt ra tiêu chuẩn cấp nước 60-100 l/ng.ngđ, tỷ lệ cấp nước sạch đạt 75 - 90% dân số.

Dự kiến đến năm 2020 sẽ xây dựng 15 nhà máy thủy điện với tổng công suất 6.009 MW, đến năm 2010 đưa vào vận hành 2 nhà máy nhiệt điện lớn tổng công suất 6.600 MW. Ngoài thủy điện, nhiệt điện năm 2015 sẽ nhập khẩu điện từ nhà máy thủy điện Nậm Mô (Lào) bằng đường dây 220 kV.

Định hướng phát triển không gian khu vực giáp biên giới

Số dân dự báo đến năm 2010 khoảng 976.950 người, năm 2020 - 1.271.880 người; mật độ đô thị đến năm 2010 - 1,11 đô thị/1.000 km², năm 2020 - 1,14 đô thị/1.000 km².

Khung phát triển chính của khu vực giáp biên giới là các hệ thống đường giao thông chiến lược quốc gia. Khung phát triển thứ cấp

dựa trên các trục giao thông liên tỉnh, liên huyện, liên xã, liên đô thị kết nối đến các trục giao thông chiến lược chính gắn kết các đô thị trong vùng, gắn đô thị với vùng nông thôn. Hệ thống bảo vệ an ninh khu vực biên giới bao gồm các đường hành lang biên giới, đường tuần tra biên giới và đường ra biên giới.

Hệ thống đô thị khu vực giáp biên giới được phát triển bao gồm hệ thống các đô thị động lực cấp 1, cấp 2 và cấp 3. Hệ thống đô thị đến năm 2010 là 35 đô thị trong đó có 1 đô thị loại 3; 3 đô thị loại 4; 31 đô thị loại 5; Đến năm 2020 là 36 đô thị trong đó có: 1 đô thị loại II; 1 đô thị loại III; 6 đô thị loại IV; 28 đô thị loại V;

Việc phát triển xây dựng các khu vực cửa khẩu được thực hiện theo hướng nâng cấp cải tạo và xây dựng mới hệ thống giao thông lên cửa khẩu và cơ sở vật chất cho 24 cửa khẩu; nâng cấp 01 cửa khẩu quốc gia lên cửa khẩu quốc tế; 04 cửa khẩu phụ lên cửa khẩu quốc gia, mở mới 07 cửa khẩu phụ; hình thành các khu kinh tế cửa khẩu.

Việc phát triển dân cư nông thôn khu vực giáp biên giới được thực hiện trên cơ sở ngoài dân cư hiện có sẽ thực hiện kế hoạch đưa dân ra sát vùng biên giới.

Việc phát triển hệ thống giao thông của khu vực bao gồm việc xây dựng hệ thống đường hành lang biên giới và đường đến các cụm trung tâm xã giáp biên.

Theo Định hướng cấp nước cho khu vực, tại khu vực đô thị: Chỉ khai thác được nước ngầm ở một số đô thị, các đô thị còn lại khai thác nguồn nước mặt; xây dựng các hồ chứa nước nhỏ để trữ nước, hồ thủy điện tại sông có tiềm năng kết hợp với việc giải quyết nước cho nông nghiệp, thủy điện và sinh hoạt.

Tại khu vực nông thôn, dùng hình thức giếng khoan đường kính nhỏ Unicep, giếng khoan, giếng đào tại các vùng xa nguồn nước mặt; xây dựng các hồ chứa nước nhỏ để trữ nước; khai thác nước tự chảy, khe suối, mạch nước, nước mưa cho ăn uống và sinh hoạt; tùy theo đặc điểm, vị trí các nguồn nước mặt hoặc nước mưa có thể dùng hình thức bể lọc, bể chứa.

Cấp năng lượng cho các đô thị, khu kinh tế cửa khẩu được thực hiện từ nguồn điện của mạng lưới quốc gia thông qua các trạm biến áp 110 kV hiện có và xây dựng mới. Ngoài các điểm dân cư nông thôn, các xã và cụm xã được cấp điện từ điện lưới quốc gia, còn những khu vực cách xa nguồn điện lưới quốc gia sẽ được cung cấp từ các nguồn thủy điện nhỏ, kết hợp nghiên cứu phát triển các loại năng lượng khác: mặt trời, gió, biogas.

Định hướng quy hoạch thoát nước thải dự kiến tại các thành phố, thị xã, khu kinh tế cửa khẩu sẽ quy hoạch hệ thống thoát nước nửa riêng và riêng hoàn toàn, có trạm xử lý nước thải; tại các thị trấn, khu dân cư vùng ven biên giới quy hoạch hệ thống thoát nước chung hoặc nửa riêng, xử lý nước thải bằng hồ sinh học tự nhiên; trong các hộ gia đình, sử dụng các công trình vệ sinh hợp vệ sinh như xí hai ngăn, xí tự hoại, đối với các hộ chăn nuôi lớn, sử dụng hầm ủ phân biogas để tạo nguồn năng lượng đun bếp và bảo vệ môi trường.

Việc thu gom và xử lý chất thải rắn được thực hiện theo hướng tại các khu kinh tế cửa khẩu, thị trấn và các điểm dân cư vùng ven biên giới sẽ quy hoạch bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh có diện tích từ 1,5 - 2 ha. Chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại phát sinh trong khu vực này sẽ đưa về các khu xử lý chất thải rắn cấp vùng liên tỉnh, cấp vùng tỉnh đã xác định ở mục định hướng quy hoạch thoát nước thải vệ sinh môi trường toàn vùng;

Các thị trấn và các điểm dân cư vùng ven biên giới sẽ quy hoạch nghĩa trang tập trung có diện tích 1-1,5 ha. Ngoài ra, các thị trấn sẽ sử dụng các nghĩa trang cấp vùng tỉnh nếu có nhu cầu. Vị trí các nghĩa trang cấp vùng tỉnh đã được xác định trong tài liệu quy hoạch này.

Quy hoạch chung còn xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 5-10 năm và cơ chế chính sách xây dựng vùng đồng thời nêu ra một số kiến nghị nhằm giúp cho việc thực hiện quy hoạch đạt hiệu quả mong muốn.

Huỳnh Phước

Thị trường châu Âu các phương tiện vận chuyển và đổ bê tông

Bê tông không chỉ là loại vật liệu mang lại lợi ích kinh tế, mà còn được các nhà thiết kế và kiến trúc sư rất ưa chuộng. Như trước đây, bê tông vẫn giữ được vị trí đứng đầu trong lĩnh vực xây dựng của Cộng đồng châu Âu. Vì vậy, các chuyên gia đã dự báo về sự tăng khối lượng tiêu thụ của các loại thiết bị vận chuyển và đổ bê tông trên thị trường các nước EU.

Có thể nêu ra đây một trong những ví dụ khẳng định cho ý tưởng nêu trên, Đó là Trung tâm phân phối thiết bị nhãn hiệu “Mercedes” được xây dựng tại thành phố Milan (Italia) bằng vốn của Cty Ô tô “Mercedes” (Đức). Công trình được đánh giá là một danh lam thắng cảnh mới tại thành phố cổ của Italia. Bằng sự kết hợp độc đáo các kết cấu bê tông cốt thép, các kiến trúc sư đã tạo nên một công trình gắn kết hài hoà với cảnh quan đô thị vốn có của thành phố Milan.

Cty Zublin - tổng thầu xây dựng công trình đã lựa chọn đúng khi sử dụng sản phẩm của nhà sản xuất ván khuôn Đức Peri.

Chỉ trong một thời gian ngắn, chuyên gia và công nhân của Cty đã đổ được 16 nghìn m² bề mặt bằng bê tông thành những bức tường có hình dạng phức tạp hình nón (chưa hoàn thiện bề mặt). Nhiều chuyên gia đánh giá trong dự án này bê tông đã được sử dụng đặc biệt thành công với sự hỗ trợ của ván khuôn Peri.

Tổng thời gian thi công công trình ở thành phố Milan là 21 tháng trong đó thời gian thi công kết cấu bê tông cốt thép là 10 tháng. Cty Peri cung cấp ván khuôn theo một hình thức đặc biệt dưới dạng từng khối ván khuôn đã được lắp ghép sẵn nhằm giảm tối đa chi phí thời gian. Hiện nay, tiết kiệm thời gian đã trở thành tiêu chí chính trong lựa chọn nhà thầu thi công bê tông.

Theo Cty Cifa, thời hạn xây dựng ngắn đặt

ra những yêu cầu khắt khe hơn đối với thiết bị phục vụ thi công bê tông trên công trường. Vì vậy, cần phải sử dụng những thiết bị tin cậy và hiện đại hơn cho một thời gian biểu thi công dày đặc. Một trong các thiết bị nêu trên là máy bơm bê tông có tay với dài. Nếu trước đây máy bơm bê tông được sử dụng phổ biến ở châu Âu thường có tay với dài 27 mét thì nay loại đang được sử dụng phổ biến có tay với dài 46 mét.

Cifa dự định đáp ứng nhu cầu trên. Cty đã giới thiệu thành công tại Hội chợ Triển lãm xây dựng “Bauma” diễn ra gần đây tại thành phố Miukhen (Đức) loại xe ô tô bơm bê tông mới có tay với dài 50 m. Đây là kiểu xe bơm bê tông lớn nhất trong danh mục sản phẩm của Cty loại có hệ thống tay với gấp xếp kiểu mới khác với các kết cấu tương tự của châu Âu.

Cty BEKA-Betonforderdienst - một nhà thầu Đức vốn ưa dùng loại xe bơm bê tông có tay với phân phối vừa dài, thì nay Cty đang sử dụng xe bơm bê tông mới M62 do Cty Putzmeister chế tạo bơm vừa lên chiều cao 61 m tại công trình mà tổng thầu là Cty Hochtief. Cty đang tiến hành cải tạo các gian trưng bày cũ tại thành phố Kelne Rheinhallen xây dựng từ năm 1920.

Mặt trước công trình xây bằng gạch vẫn được bảo tồn. Bên trong gian trưng bày sẽ xây dựng các trung tâm văn phòng hiện đại dành cho nhà ga RTL của Đức. Trên 140.000 m³ vữa bê tông sẽ được đổ cho việc xây dựng toà nhà mới trên khu đất liền kề với tổ hợp hội chợ triển lãm cũ bao gồm cả việc thi công móng sâu 1,5 mét.

Cty BEKA sử dụng xe bơm bê tông M62 có tay với 6 đoạn để bơm 200 m³ vữa/giờ vào ván khuôn của công trình. Phía nhà thầu cũng có xe bơm bê tông M52-5 có tay với gồm 5 đoạn đặt tại công trường để bơm vữa lên chiều cao 52 mét và 1.800 m³ vữa.

Tại Hội chợ triển lãm xây dựng “Bauma”, Cty Cifa giới thiệu xe bơm bê tông loại có khoảng các giữa các trục bánh xe ngắn và tay vớ nhẹ được hiện đại hoá chiều dài 41 mét. Tại các nước châu Âu phương tiện vận chuyển là một trong những vấn đề bức xúc trong nghiên cứu thiết kế các kiểu xe bơm bê tông mới.

Một năm trước Cty Đức Putzmeister chế tạo xe bơm bê tông M20-4 có tay vớ dài 20 mét gồm 4 đoạn. Loại xe này có nhu cầu sử dụng cao tại những vị trí chật hẹp. Nhà thầu Đức Bawrek-Sanierung Rhein-Neckar sử dụng một trong những chiếc xe kiểu mới này để phục vụ thi công sửa chữa nhằm cải tạo công trình Viện Vật lý hạt nhân tại thành phố Heidelberg. Việc sửa chữa này không chỉ liên quan đến công tác cải tạo hệ thống thông gió đặt trên mái bằng sử dụng bê tông nhẹ. Đường dẫn vào công trình này chật hẹp đến mức kích thước nhỏ gọn của xe bơm M20-4 đã trở thành ưu thế rất quan trọng còn mô đun điều khiển thuỷ lực EPS đã trở nên lý tưởng cho việc vận chuyển vữa bê tông nhẹ cần cho công tác cải tạo.

Sự khác biệt của mô đun EPS so với các hệ thống điều khiển thuỷ lực truyền thống khác ở chỗ EPS có khả năng điều chỉnh các chức năng của xe bơm bê tông bằng hệ thống điện tử của nó dẫn đến quá trình bơm vữa được tối ưu hoá. Ưu điểm này còn được phát huy hơn rất nhiều khi bơm bê tông nhẹ. Bởi vì cốt liệu của bê tông nhẹ là cốt liệu xốp, chúng dễ dàng bị hút bám dưới tác dụng của áp lực nước và cốt liệu nhỏ.

Xe bơm M20-4 được trang bị máy bơm kiểu rôto bơm bê tông nhẹ dưới áp lực thấp và cân bằng nhằm tránh bị tắc bơm.

Bê tông giữ vai trò then chốt trong xây dựng Trung tâm triển lãm mới “Messe Stuttgart” tại thành phố Stuttgart trị giá 800 triệu Euro. Trên 300.000 m³ vữa bê tông được sử dụng để trong vòng 31 tháng biến vùng đất từng là điểm dân cư nông thôn trở thành một tổ hợp hội chợ triển lãm rộng 830.000 m².

Để đảm bảo thời gian thi công gấp rút dự án được chia ra 2 hợp đồng. Cty liên doanh của các Cty Max Bogl và Leonard Weiss đảm nhiệm thi công các gian trưng bày. Việc xây dựng công trình đổ xe ô tô có kết cấu phức tạp trên đường quốc lộ A8 thì do một tổ hợp nhà thầu thực hiện đứng đầu là Cty Wayss und Freytag do phải sử dụng nhiều loại bê tông khác nhau.

Các xe bơm bê tông do Cty Schwing chế tạo đã góp phần vận chuyển đến công trường và đổ trên 650.000 tấn bê tông với 13.000 tấn cốt thép. Trong đó các giàn thép được vận chuyển bằng cách đẩy trên đường còn vữa bê tông được vận chuyển đến công trường từ một địa điểm cách xa 100 km bằng đường ống đường kính 80 mm. Cty đã sử dụng các xe bơm bê tông kiểu KVM24-4H, S42SX và S58SX có tay vớ dài.

Các máy bơm bê tông do Cty Schwing chế tạo cũng đã được sử dụng trong thi công các gian trưng bày có kết cấu thép dạng ống, trong đó cốt thép được kéo căng trước trong ống thép sau đó ống thép được đổ đầy vữa bê tông. Công việc này không kém phần phức tạp do số lượng cốt thép rất lớn mặc dù đã sử dụng vữa bê tông có độ linh động cao, cốt liệu to (kích thước 16 và 8 mm) kết hợp với phụ gia dẻo đặc biệt.

Như vậy, hoạt động phát triển kết cấu hạ tầng mới ở Đông Âu và đầu tư vào khu vực tư nhân ở Tây Âu đã trở thành cơ sở thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực công nghiệp tại khu vực này của châu Âu trong năm qua. Triển vọng phát triển cho khu vực còn lại của châu Âu cũng không kém phần lạc quan. Điều đó rõ ràng sẽ thúc đẩy sự tăng nhu cầu về máy và thiết bị mới dành cho công tác bê tông nhất là ở nước Nga và các nước thuộc Liên Xô cũ.

Huỳnh Phước

Theo Báo Xây dựng Nga, số 47/2007

Thông báo Danh sách các Phòng Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận trong tháng 02 và 3/2008

Tính đến hết tháng 02/2008 đã có 08 phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận đang đi vào hoạt động.

Sau đây là danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được Bộ Xây dựng ra Quyết định công nhận trong tháng 02 và tháng 3/2008

TT	Tên Phòng thí nghiệm	Mã số	Quyết định có hiệu lực
1	Phòng Phân tích cơ lý thuộc Trung tâm Phân tích thí nghiệm Địa chất - Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam Km9+300 Nguyễn Trãi , Thanh Xuân , Hà Nội	LAS-XD 326	QĐ số 189/QĐ-BXD ngày 04/02/2008 có hiệu lực đến: 30/01/2011
2	Phòng TN và kiểm định XD thuộc Cty cổ phần tư vấn đầu tư và XD Bắc Ninh. Chung cư số 8, Đường Kinh Dương Vương, P. Suối Hoa- Bắc Ninh	LAS-XD 628	QĐ số 192/QĐ-BXD ngày 04/02/2008 có hiệu lực đến: 30/01/2011
3	Phòng TN và kiểm định XD thuộc Cty cổ phần công nghệ XD Số 79 Nguyễn Trung Trực , P2, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	LAS-XD 630	QĐ số 285/QĐ-BXD ngày 27/02/2008 có hiệu lực đến: 27/02/2011
4	Phòng TN thuộc Xí nghiệp kiểm tra chất lượng XD - Công ty CP tư vấn thiết kế XD Km7 Xa lộ Hà Nội, Q. Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh	LAS-XD 15	QĐ số 287/QĐ-BXD ngày 27/02/2008 có hiệu lực đến: 27/02/2011
5	Phòng TN tổng hợp thuộc Cty CP khảo sát xây dựng Toàn Đạt Số 3-F7 Khu dân cư Mỹ Trà, P.Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh -tỉnh Đồng Tháp	LAS-XD 626	QĐ số 288/QĐ-BXD ngày 27/02/2008 có hiệu lực đến: 27/02/2011
6	Phòng TN công trình thuộc Cty TNHH Tư vấn - Kiểm toán Trung Tín Đức A13/33I Tên Lửa - P. Bình Trị Đông B, Q.Bình Tân-Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 338	QĐ số 289/QĐ-BXD ngày 27/02/2008 có hiệu lực đến: 27/02/2011
7	Công nhận bổ sung khả năng thực hiện các phép thử của Phòng TN công trình thuộc Cty CP kiểm định khảo sát XD Việt Á Số 11/3B Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng	LAS-XD 495	QĐ số 291/QĐ-BXD ngày 28/02/2008 có hiệu lực đến: 30/12/2009

8	Công nhận bổ sung khả năng thực hiện các phép thử của Phòng TN kiểm định XD - giao thông thuộc C ty CP tư vấn KHCN và kiểm định XD Số 85 Lương Đình Cửa, Đống Đa, Hà Nội	LAS-XD 533	QĐ số 292/QĐ-BXD ngày 28/02/2008 có hiệu lực đến: 02/5/2010
9	Phòng TN vật liệu và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn TAT Số 68/2 Phùng Hưng - Tp. Huế	LAS-XD 636	QĐ số 311/QĐ-BXD ngày 05/3/2008 có hiệu lực đến: 3/3/2011
10	Phòng TN tổng hợp thuộc Cty TNHH tư vấn XD C.D.C Số 265 Trần Phú, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	LAS-XD 631	QĐ số 312/QĐ-BXD ngày 05/3/2008 có hiệu lực đến: 3/3/2011
11	Phòng TN thuộc Trung tâm tư vấn và kiểm định XD Dung Quất -Trung tâm kỹ thuật quan trắc môi trường KDC chuyên gia Vạn Tường, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	LAS-XD 350	QĐ số 356/QĐ-BXD ngày 12/3/2008 có hiệu lực đến: 20/3/2011
12	Phòng TN và kiểm định XD thuộc Cty tư vấn XD công trình Quảng Hà Hẻm 166 Hai Bà Trưng, Tp. Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi	LAS-XD 349	QĐ số 357/QĐ-BXD ngày 12/3/2008 có hiệu lực đến: 20/3/2011
13	Phòng TN vật liệu và kiểm định chất lượng XD thuộc Cty cổ phần XD Gia Anh Số 74 Đường Trần Quang Diệu, P.Xuân An, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	LAS-XD 632	QĐ số 358/QĐ-BXD ngày 12/3/2008 có hiệu lực đến: 10/3/2011
14	Phòng TN vật liệu và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty cổ phần tư vấn giám sát và kiểm định chất lượng công trình Khu dịch vụ Thôn Cổ Điển, Xã Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	LAS-XD 633	QĐ số 361/QĐ-BXD ngày 14/3/2008 có hiệu lực đến: 15/3/2011
15	Trung tâm TN chuyên ngành XD thuộc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng Hoà Lạc - T Cty cổ phần xuất nhập khẩu và XD Việt Nam Km22+500 Đường Láng - Hoà Lạc, Hà Nội	LAS-XD 635	QĐ số 362/QĐ-BXD ngày 14/3/2008 có hiệu lực đến: 15/3/2011
16	Phòng TN vật liệu XD và địa kỹ thuật thuộc Cty CP Thành Tân An Số 287 Hoàng Quốc Việt , Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	LAS-XD 335	QĐ số 363/QĐ-BXD ngày 14/3/2008 có hiệu lực đến: 15/3/2011

17	Phòng TN Kiểm định XD thuộc Cty Kiểm định XD Saigon Số 27A Kỳ Đồng, P.9, Q.3, Tp. HCM	LAS-XD 17	QĐ số 390/QĐ-BXD ngày 20/3/2008 có hiệu lực đến: 17/3/2011
18	Phòng TN cơ học đất, VLXD và kiểm định công trình thuộc Cty cổ phần thiết kế XD Đô Thị Mới Số 37 Đường S11, P.Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 637	QĐ số 391/QĐ-BXD ngày 20/3/2008 có hiệu lực đến: 18/3/2011
19	Phòng TN Địa kỹ thuật thuộc Cty cổ phần tư vấn khảo sát và kiểm định SOILTESTS Đường Hương Lộ 45, Tổ 5 Ngọc Hội, P.Ngọc Hiệp, Tp. Nha Trang	LAS-XD 638	QĐ số 392/QĐ-BXD ngày 20/3/2008 có hiệu lực đến: 17/3/2011
20	Phòng TN chuyên ngành XD - giao thông thuộc Cty TNHH Nguyễn Hoàng P. Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	LAS-XD 251	QĐ số 393/QĐ-BXD ngày 20/3/2008 có hiệu lực đến: 17/3/2011
21	Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Cty cổ phần tư vấn XD và thương mại Trần Vũ Lô 17- Đường 25B, Khu CN Nhơn Trạch 2, H. Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	LAS-XD 634	QĐ số 394/QĐ-BXD ngày 20/3/2008 có hiệu lực đến: 17/3/2011
22	Phòng TN Địa kỹ thuật thuộc Cty cổ phần tư vấn XD Thủy lợi Thái Bình Số 78 Lý Thường Kiệt, Tp. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	LAS-XD 356	QĐ số 407/QĐ-BXD ngày 21/3/2008 có hiệu lực đến: 21/3/2011
23	Phòng TN và kiểm định thuộc Trung tâm kiểm định chất lượng công trình XD Thái Bình -Sở XD Thái Bình Đ.Trần Hưng Đạo, P.Đề Thám, Tp. Thái Bình	LAS-XD 319	QĐ số 408/QĐ-BXD ngày 25/3/2008 có hiệu lực đến: 21/3/2011
24	Trung tâm TN vật liệu và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn thiết kế – kiểm định xây dựng Minh Châu T24 Nguyễn Tất Thành, Hội An, Quảng Nam	LAS-XD 639	QĐ số 411/QĐ-BXD ngày 26/3/2008 có hiệu lực đến: 25/3/2011
25	Phòng TN Địa kỹ thuật và VLXD thuộc Công ty TNHH tư vấn xây dựng 23 Lô 288-D4-Phường Hoà Cường, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	LAS-XD 641	QĐ số 412/QĐ-BXD ngày 26/3/2008 có hiệu lực đến: 25/3/2011
26	Phòng TN vật liệu và kiểm định công trình thuộc Cty cổ phần kỹ thuật Phục Sơn Lô 1 12-An Cư 3, Phường An Hải Bắc, Q.Sơn Trà-Đà Nẵng	LAS-XD 640	QĐ số 413/QĐ-BXD ngày 26/3/2008 có hiệu lực đến: 25/3/2011

Giới thiệu công nghệ sản xuất tấm kính pha lê nhân tạo

Tấm kính pha lê nhân tạo không phải là ceramic cũng không phải là kính. Đó là một sản phẩm công nghệ cao gần giống với đá tự nhiên. Sản phẩm này đã được biết đến trên thị trường từ hơn 10 năm nay, nhưng mới chỉ được sản xuất trên quy mô công nghiệp được khoảng 7 năm trở với sản lượng thấp. Các đặc tính hóa học của sản phẩm này vượt trội so với ceramic, kính và các vật liệu xây dựng khác, thậm chí còn vượt trên cả đá tự nhiên. Kính pha lê nhân tạo là sản phẩm trang trí cao cấp có kích thước đa dạng từ 3x 2m cho đến 1x1cm, độ dày từ 10mm đến 30mm, có thể khoan, cắt dễ dàng.

Nhà máy của Công ty Kính pha lê Sơn Chi Bảo ở thành phố Phật Sơn, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc đã sản xuất các sản phẩm kính pha lê nhân tạo được 7 năm. Nhà máy này đảm nhiệm toàn bộ quá trình sản xuất từ khâu chế biến nguyên liệu thô cho đến sản xuất ra sản phẩm cuối cùng. Với kinh nghiệm sản xuất tích lũy được trong các năm qua, Công ty Kính pha lê Sơn Chi Bảo đang có kế hoạch xuất khẩu công nghệ sản xuất kính pha lê nhân tạo ra ngoài phạm vi Trung Quốc, và mong muốn tìm đối tác Việt Nam để chuyển giao công nghệ.

Ông Huang Shao Zhong, đại diện của Công ty Kính pha lê nhân tạo Sơn Chi Bảo đã giới thiệu tóm tắt về dự án chuyển giao công nghệ của Công ty với các nhà đầu tư Việt Nam như sau:

Đầu tiên, công ty nhận chuyển giao công nghệ của Việt Nam sẽ mua nguyên liệu thô từ Trung Quốc để sản xuất ra sản phẩm. Để có thể chế tạo được sản phẩm, công ty nhận chuyển giao cần xây dựng một lò nung con thoi dung tích 200 khối, sản lượng mỗi tháng khoảng 4.000m² kính. Theo giá bán hiện nay khoảng 400NDT/m², giá trị sản lượng sẽ đạt

khoảng 1,6 triệu NDT/tháng. Theo tính toán, lợi nhuận trên mỗi mét vuông sản phẩm vào khoảng 100NDT thì lợi nhuận sản xuất thu được sẽ vào khoảng 400.000 NDT/tháng.

Việc đầu tư xây dựng nhà máy, bao gồm một lò nung con thoi, máy mài bóng, máy cắt và vật liệu chịu lửa ước tính khoảng 4 triệu NDT. Tính cả phí chuyển giao công nghệ và các đầu tư khác cho cơ sở hạ tầng, trừ nhà xưởng, cần một khoản đầu tư khoảng 5 triệu NDT. Nếu sản lượng tiêu thụ mỗi năm đạt khoảng 16 triệu NDT thì lợi nhuận thu được là 4 triệu NDT, tức là chỉ sau hơn một năm đã có thể thu hồi được vốn đầu tư.

Dự án chuyển giao công nghệ của Công ty Kính pha lê Chi Sơn Bảo yêu cầu một số vốn đầu tư không lớn, thời gian xây dựng ngắn. Nếu như có sẵn nhà xưởng (cần khoảng 2.000m²) thì công ty mới sẽ có thể đi vào sản xuất sau 3 tháng. Sau đó, khi sản phẩm được sản xuất ra đã ổn định và có thị trường, thì có thể tiếp tục nghiên cứu xây dựng thêm dây chuyền chế biến nguyên liệu để có thể tự chủ toàn bộ quá trình sản xuất.

Công ty Kính pha lê Chi Sơn Bảo đã tiến hành khảo sát thị trường Việt Nam. Hiện nay, ở Việt Nam chưa có một nhà máy nào sản xuất kính pha lê nhân tạo, thị trường còn bỏ ngỏ cho loại sản phẩm này. Với đà tăng trưởng kinh tế của Việt Nam như hiện nay, trong những năm tới Việt Nam sẽ có thêm nhiều công trình khách sạn, nhà ở cao cấp. Sản phẩm kính pha lê nhân tạo nhất định sẽ có thị phần trên thị trường vật liệu xây dựng của Việt Nam và sẽ trở thành một loại vật liệu trang trí mới, cao cấp.

ND: Hoàng Đại Hải

Nguồn: Cty TNHH Kính pha lê Sơn Chi Bảo

Bộ Xây dựng công bố Quyết định thành lập Cục Phát triển đô thị và Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn

Triển khai thực hiện Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng và Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 24/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Xây dựng, ngày 8/4/2008, Bộ Xây dựng đã tổ chức công bố Quyết định thành lập Cục Phát triển đô thị, Quyết định thành lập Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn trên cơ sở sáp nhập và tổ chức lại Viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn và Viện Nghiên cứu kiến trúc quốc gia. Tới dự buổi công bố các Quyết định có đại diện các Cục, Vụ, Văn phòng của Bộ Xây dựng, các cán bộ chủ chốt của 2 Viện. Đồng chí Nguyễn Hồng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã đến dự và phát biểu chỉ đạo.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng, ông Đỗ Đức Duy - Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Xây dựng đã công bố Quyết định số 459/QĐ-BXD ngày 2/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phát triển đô thị; Quyết định số 477/QĐ-BXD ngày 2/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn; các Quyết định bổ nhiệm Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Phát triển đô thị, Viện trưởng, các Phó Viện trưởng Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn.

Theo Quyết định số 459/QĐ-BXD ngày 2/4/2008, Cục Phát triển đô thị là cơ quan giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực phát triển đô thị; tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về lĩnh vực phát triển đô thị do Bộ Xây dựng làm chủ đầu tư hoặc chủ quan



thực hiện theo sự phân công của Bộ trưởng. Cục có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật. Cục Phát triển đô thị có 14 nhóm nhiệm vụ liên quan đến quản lý và phát triển đô thị và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng kết quả thực hiện các nhiệm vụ đó, chịu trách nhiệm về tình hình quản lý và phát triển đô thị trên phạm vi cả nước, tình hình thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm quốc gia về phát triển đô thị, tình hình thực hiện các chương trình, dự án về phát triển đô thị do Bộ Xây dựng là cơ quan chủ quản hoặc chủ đầu tư. Cục Phát triển đô thị có một số phòng, trung tâm, ban quản lý dự án với định biên phù hợp nhu cầu công tác của Cục theo từng thời kỳ. Bộ đã có Quyết định chuyển giao Ban Quản lý dự án đầu tư khảo sát quy hoạch xây dựng- trực thuộc Bộ Xây dựng về Cục Phát triển đô thị và tổ chức lại đơn vị này thành Ban Quản lý dự án phát triển đô thị trực thuộc Cục.

Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn được thành lập trên cơ sở sáp nhập và tổ chức lại Viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn và Viện Nghiên cứu kiến trúc quốc gia. Viện là đơn vị sự nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, thực hiện các chức năng tổ chức nghiên cứu

khoa học, ứng dụng tiến bộ công nghệ để phục vụ công tác quản lý nhà nước lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng, nghiên cứu bảo tồn, bảo tàng và phát triển nền kiến trúc quốc gia, nghiên cứu phát triển lĩnh vực quy hoạch xây dựng, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hợp tác quốc tế và thông tin về khoa học công nghệ trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng, thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng, kiến trúc, quy hoạch xây dựng. Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn có tư cách pháp nhân, có con dấu để giao dịch, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng, hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan. Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn có 12 nhóm nhiệm vụ liên quan đến các lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch.

Các Quyết định về việc thành lập Cục Phát triển đô thị và Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.



Bộ Xây dựng đã có các Quyết định điều động và giao nhiệm vụ cho ông Lưu Đức Hải - Viện trưởng Viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn giữ chức vụ Cục trưởng Cục Phát triển đô thị, bà Đỗ Tú Lan - Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư khảo sát quy hoạch xây dựng giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Phát triển đô thị kiêm Giám đốc Ban quản lý dự án Phát triển đô thị trực thuộc Cục Phát triển đô thị, ông Nguyễn Đình Toàn - Viện trưởng Viện nghiên cứu kiến trúc quốc gia giữ chức vụ Viện trưởng Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn kể từ ngày 16/4/2008.

Bạch Minh Tuấn

Giải pháp để Hà Nội trở thành một thành phố văn minh hiện đại

Năm 1010, Hà Nội được Vua Lý Công Uẩn chọn làm kinh đô và đặt tên là Thăng Long với lòng mong muốn kinh thành ngày càng phồn thịnh và cát cánh như Rồng. Gần mười thế kỷ qua, Thăng Long xưa và nay là Hà Nội luôn luôn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá lớn của nước Việt Nam hoà bình, thống nhất có vị trí xứng đáng trong khu vực và trên thế giới. Để gìn giữ và phát triển Hà Nội, ngay từ bây giờ chúng ta phải có kế hoạch để xây dựng một thành phố sống tốt, đáp ứng được sự phát triển kinh tế - xã hội của Đất nước.

Hà Nội tính đến nay gồm chín quận nội

thành: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Tây Hồ, Thanh Xuân, Cầu Giấy, Long Biên, Hoàng Mai và năm huyện ngoại thành: Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm. Tổng diện tích 920,97 km² (nội thành chiếm 19,97% và ngoại thành chiếm 80,03 km², bằng 0,28% diện tích của cả nước). Hà Nội là thành phố đông dân thứ hai sau Thành phố Hồ Chí Minh, khoảng từ 3 - 5 triệu người (Theo thống kê tính đến ngày 31/12/2003 có 3.055.300 người) trong đó dân số nội thành chiếm 53%, dân số ngoại thành chiếm 47%. Nếu nhìn lại khoảng 20 năm trở lại đây tốc độ

dân số khá nhanh với các luồng dân nhập cư đổ về thành phố gây ra những chứng bệnh trầm kha của các nước đang phát triển đó là giao thông tắc nghẽn, sự tồn tại của những khu nhà thu nhập thấp thiếu tiện nghi và nhiều vấn đề khác nữa.

Bên cạnh sự thách thức với số lượng dân cư ngày càng lớn, thì sự phân bố dân cư Hà Nội không đồng đều giữa các lãnh thổ hành chính và giữa các vùng sinh thái thể hiện rõ nét thông qua mật độ dân số các vùng. Mật độ dân số trung bình của Hà Nội là 2.881 người/km², mật độ trung bình ở nội thành 19.163 người/km², riêng quận Hoàn Kiếm là 37.265 người/km², ở ngoại thành là 1.721 người/km². Mật độ này cao gấp 12 lần so với mức trung bình của cả nước, gần gấp đôi mật độ dân số của vùng Đồng bằng Sông Hồng và là thành phố có mật độ cao nhất cả nước. Mật độ dân số và phân bố dân cư mất cân đối nghiêm trọng ở Thành phố Hà Nội ảnh hưởng rất lớn đến tiến trình phát triển đô thị hiện tại và tương lai, một nội thành chật hẹp, dân đông khó có thể đảm bảo một sự phát triển hài hoà và khó có thể trở thành một "Đô thị phát triển bền vững". Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng đô thị yếu kém, các chỉ tiêu về cây xanh, đường xá, cấp nước, cấp điện, thoát nước còn ở mức độ thấp, tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng tăng... Chính vì điều đó, việc xây dựng một thành phố văn minh hiện đại, sống tốt là điều ước muốn của tất cả những ai đã, đang và sẽ sống ở Hà Nội nói riêng và trên đất nước Việt Nam nói chung.

Trong quá trình phát triển đô thị hiện nay, thế giới đã đưa ra nhiều khái niệm về xây dựng một thành phố sống tốt, phát triển bền vững, thành phố sức khoẻ v.v... nói chung là phục vụ con người ngày càng tốt hơn, chất lượng cuộc sống (quality of life) được cải thiện. Cơ quan tư vấn nguồn nhân lực Mercer (Mercer Human Resource Consulting) có trụ sở tại New York mới đây công bố bảng xếp hạng kết quả khảo sát chất lượng cuộc sống năm 2006 ở 215 thành phố lớn trên toàn thế giới dựa trên một số

tiêu chí nhất định. Đối với Việt Nam, Hà Nội được 60 điểm, xếp thứ 115, tụt một bậc so với năm 2005. Thành phố Hồ Chí Minh được 61,9 điểm, xếp thứ 148. Như vậy, câu hỏi cần chúng ta phải trả lời là tại sao Việt Nam trong những năm gần đây, nền kinh tế phát triển ở mức độ cao mà điểm xếp hạng cuộc sống lại đi xuống? Theo MHRC thì có 39 tiêu chí để đánh giá chất lượng cuộc sống, trong đó bao gồm các vấn đề từ chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường, giao thông, hệ thống chăm sóc sức khoẻ, an ninh, giáo dục... Kinh tế chỉ là một trong hàng loạt tiêu chí để đảm bảo chất lượng cuộc sống con người, mặc dù đời sống vật chất của người dân được nâng lên rõ rệt nhưng hàng ngày hàng giờ đều phải đối mặt với ô nhiễm môi trường, đô thị hoá làm phát sinh nhà lụp sụp, ngập lụt, y tế, an ninh xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, tai nạn giao thông... đã làm giảm chất lượng cuộc sống.

Chất lượng cuộc sống được thể hiện trong 39 tiêu chí của cơ quan Mercer

Michael Douglass, giáo sư chuyên nghiên cứu về đô thị của Trung tâm nghiên cứu toàn cầu Đại học Hawaii đã đưa ra khái niệm "Livability" và "Livable Cities", Ông đã có một số công trình nghiên cứu về Việt Nam như "Quá trình chuyển đổi đô thị tại Việt Nam (Urban Transition in Viet Nam)" So sánh tính ưu việt của một số thành phố lớn ở Đông Nam Á trong đó có thành phố Hồ Chí Minh" theo tiêu chí của Livability. Khái niệm này tạm dịch là "Thành phố sống tốt", khái niệm này đề cập đến 3 thành tố quan trọng:

1. Môi trường tự nhiên tốt (Environmental well - being), thể hiện mối quan hệ tổng hoà giữa cộng đồng dân cư đô thị và môi trường tự nhiên mà họ đang sống.

2. Môi trường sống đô thị (urban lifeworlds) mà người dân đô thị sống trong đó đặt nặng vấn đề quan hệ giao tiếp dân sự, những hoạt động văn hoá trong đời sống đô thị ở những địa bàn công cộng và các hoạt động của các tổ chức hội đoàn.

TT	Lĩnh vực	Tiêu chí
1		Nhập cảnh và xuất cảnh dễ dàng
2	Môi trường	Quan hệ với các Quốc gia khác
3	chính trị xã hội	Tuân thủ pháp luật
4		Sự ổn định trong nước
5		Tội phạm
6	Môi trường kinh tế	Các dịch vụ ngân hàng
7		Những quy định trao đổi tiền tệ
8	Môi trường	Truyền thông đại chúng và công tác kiểm duyệt
9	văn hoá xã hội	Những giới hạn trong quyền tự do cá nhân
10		Ô nhiễm không khí
11		Động vật và côn trùng gây hại
12		Các dịch vụ bệnh viện
13	Y tế và sức khoẻ	Các nguồn cung cấp y tế
14		Các bệnh truyền nhiễm
15		Nước uống
16		Việc thu gom rác thải
17		Nước thải
18	Giáo dục và trường học	Các trường học
19		Nguồn cấp nước
20	Dịch vụ công	Tắc nghẽn giao thông
21	và vận chuyển	Cấp điện
22		Dịch vụ điện thoại
23		Dịch vụ thư tín
24		Vận chuyển công cộng
25		Sân bay
26		Các loại nhà hàng
27	G	Rạp chiếu phim
28	iải trí	Biểu diễn sân khấu và ca nhạc
29		Các hoạt động thể thao và giải trí
30		Thực phẩm (Trái cây và rau xanh)
31	Sản phẩm tiêu dùng	Thực phẩm (Thịt và cá)
32		Đồ dùng hàng ngày
33		Thức uống có cồn
34		Xe ô tô
35		Đồ đạc và dụng cụ gia đình
36	Nhà ở	Bảo trì và sửa chữa nhà ở
37		Nhà ở
38	Môi trường tự nhiên	Thời tiết
39		Thiên tai

3. Sự phát triển bản thân con người (Personal well - being) trên bình diện cá nhân và khả năng tiếp cận dịch vụ hàng hoá. Thành tố này có thể xem là những đầu tư cho con người bao gồm cả yếu tố an toàn trong đời sống

đô thị.

Ba thành tố này được đặt trong mối quan hệ với nhau, ngang bằng nhau và không loại trừ lẫn nhau. Lý thuyết này tương ứng với lý thuyết về phát triển đô thị theo 3 mảng kinh tế, môi

trường và xã hội nhưng quan tâm nhiều hơn đến yếu tố con người, xem con người là trung tâm và mục tiêu của sự phát triển. Trong lý thuyết này cũng chú trọng vai trò quản lý để phát triển 3 thành tố này, ở đây vai trò quản lý chủ đạo là Nhà nước, ngoài ra cộng đồng dân cư rất được đề cao trong việc tham gia xây dựng chính sách từ cơ sở. Cần xây dựng các chỉ tiêu để đánh giá và dự báo mức độ "Livability" trên một hệ thống chung để dễ dàng so sánh đối chiếu, đồng thời bổ sung các yếu tố đặc thù của từng thành phố, các đặc điểm chức năng riêng quyết định mô hình phát triển đô thị và khái niệm "Livability" của GS. Michael Douglass có thể xem là một lý thuyết để xây dựng mô hình thành phố văn minh, hiện đại.

Hà Nội là thành phố trung tâm chính trị, văn hoá, xã hội và khoa học công nghệ của cả nước, phát triển thành phố văn minh hiện đại không ngoài ý chí của mọi người dân Hà Nội và cả nước. Để phát triển thành phố theo quan điểm "sống tốt" cần chú trọng việc phân chia vùng địa lý kinh tế xã hội theo các khu vực: Khu vực nội thành, đặc biệt khu phố cổ, phố cũ; khu vực ngoại thành; các khu đô thị mới. Mỗi khu vực có những đặc điểm khác biệt, sự khác biệt này sẽ đề ra được tiêu chí cho từng vùng, trong phạm vi bài viết này tôi xin đề xuất một số tiêu chí chung dựa trên thực tiễn Hà Nội.

1. Môi trường tự nhiên tốt (Environmental well - being).

1.1. Giao thông đi lại thuận lợi. Giao thông đi lại là một vấn đề rất lớn đối với Hà Nội, làm ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sống của dân cư. Trong thời gian tới cần giảm dần nạn tắc đường, điểm tắc đường, tần suất tắc đường trong ngày. Cụ thể chỉ có thể tắc đường trong giờ cao điểm khoảng từ 5 - 6 giờ chiều tại 1 - 2 ngã tư đường. Chống ngập nước khi có mưa cho các đoạn đường thấp ở Hà Nội như Nguyễn Khuyến, Thái Hà, Ga Hà Nội... Tăng diện tích đất dành cho giao thông lên 22% quỹ đất đô thị, gấp 3 lần hiện nay. Giảm số lượng chết người từ tai nạn giao thông từ 1000 vụ/năm còn 500 vụ/năm. Phương tiện vận tải công cộng (xe buýt, tàu điện ngầm...) ngày càng phát triển và

được người dân sử dụng nhiều, đảm bảo được 40% khối lượng đi lại của người dân. Bãi đậu xe trong thành phố bảo đảm đủ để có chỗ khoảng 500.000 ô tô và 3 triệu xe gắn máy lưu thông có chỗ đậu xe. Vía hè thông thoáng, dân cư đi lại thoải mái, có thể kết hợp với kinh doanh nhưng phải bảo đảm trật tự. Tất cả các vỉa hè đều có ít nhất 1 mét ngang để khách bộ hành đi lại, có đường dành riêng cho người đi bộ, người tàn tật.

1.2. Được cung cấp nước sạch và điện đầy đủ cho 100% số dân khu vực nội thành, 80% khu vực quận mới, 60% khu vực nông thôn. Tiêu chuẩn nước sạch phải dần được nâng lên để bảo đảm uống được. Định mức là 200 lít/người/ngày. Bảo đảm đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, bình quân khoảng 2.500kwh/người/năm (hiện nay là 1.600 kwh/người/năm) cho toàn Thành phố. Bảo đảm không bị cắt điện luân phiên.

1.3. Giảm ô nhiễm không khí, khói, bụi, tiếng ồn: Có biện pháp làm giảm khói bụi trong không khí, bảo đảm mức ô nhiễm giảm dần theo thời gian, đặc biệt là trong các khu dân cư, tiến tới chỉ số về bụi và tiếng ồn nằm trong phạm vi cho phép. Quy định xử phạt những hoạt động sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm và tiếng ồn. Tổ chức lại giao thông để giảm bớt các phương tiện gây xả khói bụi.

1.4. Thu gom rác thải và xử lý nước thải tốt. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý rác tốt, 100% rác được xử lý tốt cả vùng nội và ngoại thành. Trong các vùng đang đô thị hoá cần được đặc biệt chú ý vì số lượng dân cư tăng vọt, tổ chức cuộc sống thay đổi, lượng rác gia tăng. 100% lượng nước thải sinh hoạt, y tế và công nghiệp được xử lý tốt trước khi đưa ra hệ thống cống chung và sông (hiện nay chỉ khoảng từ 20 - 40% tuyền loại nước thải).

1.5. An toàn vệ sinh thực phẩm: Bảo đảm việc kiểm soát được an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cửa hàng ăn uống trong các siêu thị, trung tâm mua bán trên địa bàn thành phố.

2. Môi trường sống đô thị (urban lifeworld)

2.1. Chăm sóc sức khoẻ: Bảo hiểm y tế cho mọi người. Sức khoẻ: tỷ lệ tử trẻ < 5 tuổi, suy dinh dưỡng, khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế

(100%), số giường bệnh tăng bảo đảm mỗi người bệnh nằm điều trị nội trú một giường. Số lượng bác sỹ và nhân viên y tế tăng đáng kể, tăng cường tuyến cơ sở để không còn tình trạng quá tải ở các bệnh viện đầu ngành như hiện nay. Tuổi thọ trung bình của người dân Thành phố tăng lên 75 tuổi. Giảm tỷ lệ tăng tự nhiên hàng năm xuống còn 1% dân số. Bảo hiểm y tế cho toàn dân.

2.2. Giáo dục: trẻ em 6 tuổi được đến trường, tỷ lệ trẻ bỏ học giảm, phổ cập trung học phổ thông, tỷ lệ người biết chữ 100%, trình độ học vấn nâng cao, tạo điều kiện giáo dục cho mọi người (xã hội học tập). Bảo đảm 80% lao động có qua đào tạo nghề (ngắn hạn và dài hạn).

2.3. Bảo tồn các di tích lịch sử, văn hoá: Có chương trình bảo tồn các di tích, danh thắng của Thủ đô phục vụ cho tổ chức các sinh hoạt văn hoá, lễ hội 1000 năm Thăng Long Hà Nội. Bảo tồn khu phố cổ, phố cũ, xây dựng hệ thống bảo tàng, các công trình văn hoá của Thành phố.

2.4. Tạo lập không gian công cộng, không gian văn hoá. Tạo lập các không gian công cộng và không gian riêng biệt cho các khu ở mới và cải tạo các không gian công cộng trong các khu ở cũ, mở rộng các không gian giao tiếp cộng đồng. Tạo nhiều khoảng không gian sống tốt, xây dựng các quảng trường lớn cho thành phố. Mô hình khu phố văn hoá cần được củng cố thêm các nội dung thiết thực, mỗi khu phố nên khai thác đặc điểm riêng có của mình. Quy hoạch kiến trúc đô thị hài hoà, góp phần tạo nên mỹ quan đô thị, nâng cao chất lượng sống của người dân. Tổ chức các loại hình vui chơi giải trí cho người dân, nâng cao tỷ lệ người đọc sách báo, xem biểu diễn các loại hình văn hoá nghệ thuật.

2.5. Tạo không gian xanh cho đô thị. Đây là một tiêu chí quan trọng cho môi trường thành phố. Hiện nay tỷ lệ cây xanh thấp, tiêu chí này cũng góp phần quyết định mô hình phát triển đô thị. Chủ động tích cực đưa chỉ tiêu cây xanh đầu người toàn thành phố lên khoảng 8 - 10m² (hiện nay khoảng 1,09m²). Cải tạo các công

viên của thành phố đưa vào sử dụng hiệu quả, phục vụ tốt nhất lợi ích của người dân.

2.6. Điều kiện cư trú tốt, tạo điều kiện cho người dân có chỗ ở: Bảo đảm tất cả các hộ gia đình đều có chỗ ở (khác với khái niệm sở hữu nhà ở). Cải tạo tốt các khu chung cư cũ, cải tạo các khu nhà tạm ở khu vực nông thôn và tổ chức lại thành các điểm dân cư tương đối tập trung, bảo đảm diện tích ở bình quân người 20 m². Làm tốt các chính sách nhà cho người có công, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, thực hiện bán nhà theo nghị định 61/CP đến đúng đối tượng. Nâng cao chất lượng nhà ở cho người nghèo. Thành phố không còn nhà tạm, nhà lán chiếm. Phổ biến mô hình chung cư để tiết kiệm đất, đặc biệt trong các khu đô thị mới, chủ yếu là 6 - 18 tầng.

3. Sự phát triển tốt của con người (Personal well - being)

3.1. Công ăn việc làm: Đào tạo nghề, hỗ trợ cho vay vốn để mọi người tự tạo được công ăn việc làm, số lượng chỗ làm việc mới được tạo ra hàng năm ngày càng tăng, 500.000 chỗ làm việc mới hàng năm (gấp đôi so với hiện nay) bảo đảm tỷ lệ thất nghiệp chỉ ở mức khoảng 3%. Thu hút được đầu tư nước ngoài, tạo hành lang pháp lý tốt cho những người nước ngoài đến Thành phố làm ăn sinh sống. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo sự thay đổi cơ cấu kinh tế, lao động phổ thông vẫn còn tỷ lệ quan trọng nhưng với chất lượng cao.

3.2. Tệ nạn xã hội giảm: Cướp giật, mại dâm, ma tuý (số lượt vi phạm giảm). Cư dân thành phố, khách vãng lai và khách du lịch an tâm với tình hình an ninh trật tự xã hội.

3.3. Xoá đói, giảm nghèo: Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, phân tầng xã hội. Khoảng cách giữa nhóm giàu nhất và nhóm nghèo nhất chỉ cách 5 lần. Chuẩn nghèo tương đối có thể nâng lên 3 USD/người/ngày. Thu nhập bình quân người dân thành phố khoảng chừng 7.000 - 8.000USD/năm (hiện nay khoảng 2.000USD).

3.4. Cải cách hành chính: Tăng cường phân cấp quản lý cho cơ sở cải cách hành chính, giảm thủ tục hành chính, giảm phiền hà chờ đợi của người dân. Giải quyết xong các loại giấy tờ

chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất.

3.5. Hoạt động các đoàn thể, hội đoàn: Tăng cường thu nhập ý kiến người dân, các thành viên các hiệp hội của mình về những công việc liên quan đến quy hoạch phát triển, quản lý đô thị và các nhu cầu cuộc sống thường ngày.

3.6. Cung cấp và thu thập thông tin từ người dân: Thường xuyên, định kỳ tổ chức các cuộc đối thoại trực tiếp tạo những nhịp cầu thông cảm, hiểu biết giữa các nhà quản lý và người dân.

3.7. Chỉ số hài lòng của người dân qua việc được phục vụ các dịch vụ công: Điều tra khảo sát thu thập ý kiến người dân về chất lượng phục vụ của các dịch vụ công. Bảo đảm chỉ số hài lòng thật sự của người dân khoảng 80%.

Trên đây là một số tiêu chí chính vận dụng theo lý thuyết "Các thành phố sống tốt" mà tôi

có dịp được tham gia khóa học tại USA, vận dụng vào thực tiễn xây dựng Thành phố Hà Nội văn minh, hiện đại. áp dụng quan điểm các thành phố sống tốt (livable cities) của Michael Douglass vào thực tiễn Hà Nội để đánh giá cũng như định hướng phát triển trong thời gian tới. Thành phố Hà Nội đang phát triển mở rộng đô thị, nếu có được những công trình nghiên cứu tốt từ bây giờ sẽ hạn chế việc phát triển tự phát, khó sửa chữa, chỉnh trang sau này. Cần phải có sự phối hợp của nhiều nhà quản lý, nhà khoa học, nhà xã hội học và các nhà hoạt động thực tiễn trên nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội và tự nhiên để xây dựng các tiêu chí phát triển Hà Nội thành một thành phố văn minh, hiện đại.

TS.KTS Lê Thị Bích Thuận

Phó Viện trưởng Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị & Nông thôn

Các mô hình hợp tác xây dựng nhà ở và những khó khăn trong thực hiện

Hợp tác xây dựng nhà ở là một mô hình thu hút được nhiều người tham gia nhờ hạ thấp được giá thành xây dựng, mọi người có thể mua được nhà với giá rẻ.

Theo một chuyên gia tư vấn đã phân tích: "Điều khác biệt lớn nhất của mô hình hợp tác xây dựng nhà ở so với các Công ty kinh doanh nhà đất là ở chỗ việc hợp tác xây dựng nhà không mang mục đích kinh doanh, nhờ đó mà giảm được những khoản chi như những chi phí trong hoạt động kinh doanh, chi phí lương cho nhân viên kinh doanh, chi phí quảng cáo". So với nhà thương phẩm, thì nhà ở được xây dựng theo hình thức hợp tác xây dựng có thể có giá thành rẻ hơn từ 20- 40%.

Mô hình hợp tác xây dựng nhà ở cho phép người tham gia quyền kiểm soát quá trình xây dựng. Đây là một ưu điểm dễ nhận thấy của mô hình. Khi mua nhà thương phẩm của các Công ty kinh doanh nhà, người mua thường gặp phải những rắc rối và tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán. Chính vì vậy,

những người mua nhà mong muốn thông qua mô hình hợp tác xây dựng nhà sẽ giảm bớt hoặc tránh được những phiền phức đó và tự mình có thể kiểm soát được quá trình xây dựng.

- Hợp tác mua nhà:

Thành phố Thâm Quyến (Trung Quốc) đã bước đầu thu được những thành công trong việc tập trung tiền vốn từ những người hợp tác xây dựng nhà ở, bán đấu giá nhà cũ nát, nhờ đó giảm bớt được giá nhà. Hai tòa nhà chung cư thuộc khu Công nghiệp Kim Kiều, thị trấn Sa Tỉnh, Thâm Quyến do các cá nhân hợp tác xây dựng đầu tiên trong cả nước có giá 1.556 tệ/m². Lâm Lập Nhân – người khởi xướng mô hình hợp tác xây dựng nhà cho biết, trong dự án nói trên, người mua nhà đã tiết kiệm được khoảng một nửa số tiền đầu tư mua nhà.

Tuy nhiên, cũng có người cho rằng khu nhà ở theo hình thức hợp tác xây dựng nhà ở đầu tiên ở Trung Quốc cũng có những hạn chế đó là người mua nhà không có quyền sở hữu riêng, địa điểm xa, lại nằm trong khu công nghiệp,

“khác xa” so với nhà thương phẩm có mặt phố về điều kiện hạ tầng. Như một số nhà nghiên cứu phân tích, mô hình của Thâm Quyển chưa thực sự là hợp tác xây dựng nhà ở, mà là hợp tác mua nhà.

- Hùn vốn xây dựng nhà:

Một người khởi xướng việc hợp tác xây dựng ở Thành Đô cho biết, với số vốn từ 200.000 – 1.000.000 NDT, cá nhân hợp tác mua nhà có thể đứng ra làm chủ, thành lập công ty phát triển nhà đất. Nhưng một người hợp tác xây dựng nhà có mức thu nhập vừa và thấp làm sao có thể xoay sở số tiền vốn đăng ký khá lớn để thành lập doanh nghiệp phát triển nhà đất? So với các doanh nghiệp phát triển nhà đất hiện nay, ưu thế của những công ty này là gì? Là công ty kinh doanh phi lợi nhuận hay là công ty tạm thời, có thể giải tán ngay sau khi xây dựng xong các hạng mục dự án? Trình độ quản lý của công ty có thể đáp ứng được việc xây dựng nhà ở hay không? Làm thế nào để giữ cho giá nhà thương phẩm thấp hơn giá thị trường?

Nói tóm lại, tiền vốn bỏ ra đầu tư, mục đích chính là tìm kiếm lợi nhuận lớn nhất, người quản lý cũng cần được hưởng lợi nhuận thoả đáng. Nếu mô hình này thành công thì đó phải là thành công của người đầu tư doanh nghiệp và của doanh nghiệp phát triển nhà đất mới, chứ không phải là thành công của những người có thu nhập trung bình và thấp trong việc hợp tác xây dựng nhà.

- Ủy thác cho công ty phát triển nhà đất

Một người khởi xướng việc hợp tác xây dựng nhà tại tỉnh Vân Nam đề xướng: các hội viên đều mở tài khoản ở ngân hàng, ủy thác cho ngân hàng quản lý tiền vốn và hy vọng một công ty phát triển nhà đất “có lương tri” phát triển nhà đất cho mình với giá thành thấp nhất. Nhưng sau hai năm, họ vẫn bị tiền vốn và đất đai kìm chân. Nếu mô hình này thành công, có thể tiết kiệm được chi phí tổ chức của người hợp tác xây dựng nhà, nhưng công ty phát triển nhà đất “có lương tri” ở đâu? Mô hình này có gì khác so với hợp tác mua nhà?

- Thông qua quỹ tiền vốn

Một người khởi xướng việc hợp tác xây dựng

nhà tại Bắc Kinh cho biết, chỉ cần đủ số người tham gia, đủ tiền vốn thì kế hoạch hợp tác xây dựng nhà của họ đã thành công một nửa. Được biết, họ kinh doanh thông qua quỹ tiền vốn, tất cả những người tham gia đều là người ủy thác và người được lợi từ quỹ tiền vốn này. Hiện nay, mô hình này vẫn chưa có hiệu quả.

Những khó khăn trong hợp tác xây dựng nhà:

- Việc bảo đảm chất lượng nhà ở :

Hợp tác xây dựng nhà là một quá trình phức tạp, liên quan tới nhiều chủ thể thị trường như ngành chủ quản, chính quyền, doanh nghiệp thi công, công ty cung ứng vật liệu, lao động..., hơn nữa, thời gian xây dựng dài, vốn đầu tư lớn, quản lý phức tạp. Cho dù có thành công trong việc đăng ký giành quyền sở hữu đất, thì quản lý hợp đồng, quản lý tài vụ, quản lý kỹ thuật sẽ xử lý bằng cách nào? làm thế nào để đảm bảo chất lượng công trình?

Chất lượng nhà ở được cấu thành bởi ba mặt sau: chất lượng xây dựng - công năng của nhà - chất lượng cơ sở hạ tầng và môi trường của tiểu khu nhà ở. Chất lượng xây dựng phải đáp ứng theo các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng của Nhà nước, có thể ủy thác cho những đơn vị khảo sát thiết kế và đơn vị thi công có đủ năng lực thực hiện. Nhưng các đơn vị khảo sát thiết kế và đơn vị thi công không thể bảo đảm hiệu quả về công năng sử dụng nhà ở, chất lượng cơ sở hạ tầng đồng bộ và môi trường của tiểu khu nhà ở. Đối với nhà ở thương phẩm, điều này liên quan trực tiếp với trình độ chuyên môn cũng như tính chuyên nghiệp của các công ty phát triển nhà đất. Nếu các công ty phát triển nhà đất không tham gia, thiếu người hợp tác xây dựng nhà có chuyên môn thì làm thế nào?

- Việc quản lý các hạng mục xây dựng có hiệu quả:

Khi hợp tác xây dựng nhà, vấn đề đặt ra là cần phải tổ chức quản lý các hạng mục sao cho có hiệu quả. Có phải thuê các chuyên gia với mức lương cao hay không? Hầu hết những người khởi xướng hợp tác xây dựng đều cho rằng, có thể làm theo các công ty phát triển nhà đất, giao khoán các khâu quy hoạch, khảo sát,

thiết kế và thi công xây dựng. Nhưng người hợp tác xây dựng nhà đòi hỏi có năng lực chuyên môn và có tính chuyên nghiệp cao, phải kịp thời giải quyết vấn đề do công ty thầu xây dựng đặt ra,

- Việc tập trung đủ tiền vốn: Người hợp tác xây dựng nhà chủ yếu là những người có thu nhập trung bình và thấp, số tiền có trong tay không nhiều. Hợp tác xây dựng nhà ở đòi hỏi phải có tiền vốn, thì họ sẽ lấy gì để đảm bảo khi vay vốn ngân hàng?. Những cá nhân hợp tác xây dựng nhà là những hộ phân tán, không có tài sản thế chấp, rất khó vay tiền ngân hàng. Để giải quyết khó khăn trong vay vốn, kiến nghị những người tham gia vào tổ chức hợp tác xây dựng phải nộp đủ tiền nhà. Nếu không, hợp tác xây dựng nhà sao được?

- Đảm bảo sự an toàn của tiền vốn:

Để đảm bảo sự an toàn của tiền vốn, có thể gửi tiền vốn hợp tác xây dựng nhà của các cá nhân vào những ngân hàng được chỉ định, mỗi một hội viên (kể cả người tổ chức) đều không thể chỉ đạo một cách đơn phương được. Số tiền vốn này cần được an toàn dưới sự giám sát chung của mọi người. Nhưng giữa những người hợp tác xây dựng nhà lại có sự không nhất trí. Tiền vốn hợp tác xây dựng nhà lại rất lớn, rất cuộc do ai giám sát quản lý đây? Nếu ủy thác cho ngân hàng giám sát quản lý, trong quá trình vận hành, khi sử dụng tiền vốn, cần có sự chuẩn bị của bên tập trung tiền vốn, liệu trao

quyền chuẩn bị vốn này vào tay ai đây? Người nắm giữ tiền vốn lấy gì để giữ được lòng tin của những người tham gia? Lấy gì để đảm bảo với những người ủy thác? Chỉ có uy tín danh dự cá nhân thì chưa đủ.

- Giám sát người khởi xướng và người quản lý dự án như thế nào?

Một số người khởi xướng phải thông qua thành lập doanh nghiệp phát triển nhà đất và tổ chức quỹ tiền vốn để tiến hành công việc. Như vậy, cần phải có nhiều công sức, thậm chí còn phải có nhiều tiền vốn để khởi động. Muốn đảm bảo cho hợp tác xây dựng nhà có giá thành thấp, người khởi xướng phải cố gắng hoặc hy sinh khá nhiều; nếu bảo đảm cho người có đủ lợi ích hợp lý, lại đảm bảo cho nhà hợp tác xây dựng có giá thành thấp, thì phải làm như thế nào? Thực ra, không thể có quá nhiều người cùng quản lý dự án, cần quản lý giám sát họ ra sao?

Đã có nhiều người nghi ngờ về động lực của một số người khởi xướng và đội ngũ quản lý hợp tác xây dựng: tuy hứa hẹn nhiều về giá nhà rẻ, nhưng họ không hề nói rõ về rủi ro trong hợp tác xây dựng nhà, không có sự đảm bảo tương ứng.

Nguồn: Tạp chí xây dựng Nông thôn và Thành thị Trung Quốc số 12/2007

ND: Bích Ngọc

Nghiên cứu thiết kế điển hình nhà ở công nhân khu công nghiệp - Để tài mang tính thực tiễn cao

Phát triển khu công nghiệp tạo ra một kênh thu hút lao động rất có tiềm năng và hiệu quả, góp phần quan trọng giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ (kể cả số lao động của những hộ gia đình bị thu hồi đất) và lao động nhập cư. Những năm gần đây, lực lượng lao động trong khu công nghiệp gia tăng mạnh mẽ gắn liền với sự gia tăng của các khu công nghiệp thành lập mới và mở rộng, các dự án hoạt động trong khu

công nghiệp. Sau 15 năm hình thành và đi vào hoạt động, các khu công nghiệp, khu chế xuất đã có những đóng góp quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế - xã hội và bước đầu tạo ra nền tảng cơ bản cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Theo số liệu công bố của Vụ Quản lý các KCN - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cả nước hiện có 148 khu công nghiệp, khu chế xuất với hơn

3200 ha tổng diện tích và 920.000 công nhân đang làm việc, trong đó có gần 300.000 công nhân nhập cư. Tại hầu hết các khu công nghiệp trên cả nước, số người lao động nhập cư có điều kiện sống rất khó khăn. Do lao động nhập cư làm việc tại các khu công nghiệp tăng mạnh về số lượng, dẫn tới nhu cầu nhà ở tăng cao, trong khi hầu hết chính quyền địa phương và các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và các doanh nghiệp đều chưa chú trọng tới việc xây dựng nhà ở cho công nhân thuê với giá thấp. Điều này chủ yếu do việc xây dựng nhà ở đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm, hiệu quả đầu tư không cao, nên rất ít doanh nghiệp tham gia xây dựng nhà ở cho công nhân thuê. Các địa phương phát triển nhanh về khu công nghiệp cũng chưa có những quyết sách căn cơ để giải quyết được vấn đề nhà ở cho công nhân nhập cư.

Việc quy hoạch phát triển các khu công nghiệp thường chưa đồng bộ với quy hoạch phát triển đô thị, khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, ảnh hưởng đến tính bền vững trong phát triển; chưa chú trọng gắn việc xây dựng quy hoạch chi tiết từng khu công nghiệp với quy hoạch nhà ở, công trình công cộng phục vụ đời sống người lao động làm việc trong khu công nghiệp, đặc biệt là đối với người lao động nhập cư.

Thực tế phát triển các khu công nghiệp thời gian qua đã đặt ra vấn đề nhà ở cần phải được giải quyết phù hợp với thu nhập của công nhân, nhất là công nhân nhập cư. Tại một số địa phương như: Đồng Nai, Long An, Bình Dương, Hải Dương, Bắc Ninh, v.v... đã bước đầu triển khai song song với các đề án phát triển khu công nghiệp là các dự án phát triển nhà nhằm tạo tiện ích công cộng cho công nhân yên tâm và có điều kiện làm việc. Đây là vấn đề khá bức bách đặt ra đối với các địa phương khi tiến hành phát triển các khu công nghiệp. Tuy nhiên, đó cũng chỉ mới là bước đầu.

Hiện tại, chỉ có khoảng từ 2% - 7% công nhân ở các khu công nghiệp, khu chế xuất được

thuê nhà ở do Nhà nước, doanh nghiệp xây dựng, còn lại hầu hết công nhân phải thuê nhà ở của dân. Điều đáng nói là do thu nhập thấp nên phần đông công nhân phải thuê nhà ở rất chật hẹp, không bảo đảm vệ sinh, an toàn. Từ 3 đến 4 người ở chung một phòng có diện tích dưới 10m², trong khi nhà vệ sinh, nhà tắm phải dùng chung với đông người. Tình trạng thiếu thốn, mất vệ sinh, an toàn về nhà ở đã ảnh hưởng không nhỏ tới sức khỏe của công nhân và là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội trong công nhân.

Quy hoạch đến năm 2015, tổng diện tích phát triển KCN ở Việt Nam sẽ lên đến gần 70.000 ha. Như vậy trong thời gian tới một số lượng lớn lao động sẽ tập trung tại các vùng có nhiều KCN. Từ thực tế trên, việc chăm lo xây dựng nhà ở cho công nhân KCN đang là một vấn đề bức bách của xã hội, rất cần được sự quan tâm của các cấp các ngành. Nhằm từng bước cải tạo một môi trường sống tốt hơn cho công nhân các khu công nghiệp, khu chế xuất, đem lại những điều kiện đảm bảo nơi ăn chốn ở, giúp họ tái sản xuất sức lao động, cũng như phù hợp với khả năng chi trả của người lao động, cần nghiên cứu thiết kế điển hình nhà ở công nhân khu công nghiệp từ cách tổ chức sắp xếp không gian ở, cơ cấu bố trí căn hộ..., đến việc sử dụng các phương pháp lắp ghép nhanh để đạt được mục tiêu hạ giá thành xây dựng. Đó là một yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Ngoài ra, việc phát triển hợp lý theo quy hoạch và tuân thủ quy định khi thiết kế sẽ tăng hiệu quả và sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Nhà ở công nhân khu công nghiệp được Viện Nghiên cứu Kiến trúc Quốc gia-Bộ Xây dựng nghiên cứu thiết kế dưới dạng dữ liệu cơ sở và một số mẫu thiết kế điển hình có tính chất gợi ý minh họa dùng làm tài liệu hướng dẫn thiết kế phục vụ công tác quản lý, xây dựng mới hoặc cải tạo nhà ở công nhân các khu công nghiệp.

Khi áp dụng các mẫu thiết kế điển hình, tùy

theo điều kiện kinh tế, điều kiện xã hội của từng địa phương, từng khu công nghiệp mà các chủ đầu tư có thể chọn lựa các block điển hình để lắp ghép thành các quy mô khác nhau, sử dụng các thiết kế vận dụng cho phù hợp.

Nhà ở công nhân khu công nghiệp - thiết kế theo phương pháp điển hình hoá bộ phận, có cơ sở từ những mặt bằng căn hộ điển hình tạo thành những đơn nguyên nhà điển hình rồi từ đó lắp ghép nên nhóm nhà, cụm nhà theo quy hoạch tổng mặt bằng phù hợp với các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định. Ngoài ra thiết kế điển hình còn dựa trên những yếu tố về:

- Chỉ tiêu diện tích ở, diện tích khu phụ (vệ sinh, phơi đồ...).
- Kích thước trang thiết bị phục vụ sinh hoạt cá nhân hàng ngày và không gian cần thiết để sử dụng trang thiết bị đó.

Để đáp ứng với mỗi giai đoạn phát triển của khu công nghiệp nên đề xuất trong quy hoạch tổng thể xây dựng các loại hình nhà ở khác nhau.

Trong phạm vi đề tài này việc lựa chọn loại hình nhà ở chung cư cao dưới 6 tầng không sử dụng thang máy là hợp lý với hình thức cho thuê hay mua. Giải pháp thiết kế phải đáp ứng các yêu cầu tiện nghi tối thiểu nhưng đảm bảo độ an toàn, trang thiết bị đơn giản dễ thay thế. Phù hợp với khả năng thanh toán chậm của người lao động.

Có 2 loại căn hộ trong mô hình một đơn nguyên nhà ở:

- Loại căn hộ cho đối tượng độc thân (A) dành cho những lao động độc thân chưa lập gia đình, mỗi căn hộ có từ 6 - 8 người ở (có bố trí giường tầng). Diện tích từ 30m² - 50m². Khu vệ sinh và bếp nấu có thể khép kín ở trong phòng hoặc có thể đặt ở bên ngoài.

- Loại căn hộ gia đình (B): gồm 3 loại căn hộ
 - Loại 1: Diện tích 30 m² - 40 m² (B1)
 - Loại 2: Diện tích 40 m² - 50 m² (B2)
 - Loại 3: Diện tích 50 m² - 60 m² (B3)

Mỗi căn hộ bao gồm phòng khách, phòng ngủ, bếp kết hợp nơi ăn, khu vệ sinh độc lập

khép kín và ban công phơi quần áo. Tiêu chuẩn diện tích ở tối thiểu 3m²/ người (không kể diện tích khu phụ).

Tỷ lệ cơ cấu các loại căn hộ ở trong một đơn nguyên nhà ở không quy định cụ thể mà tùy theo nhu cầu của từng khu công nghiệp của chủ đầu tư và kế hoạch phát triển nhà ở của từng địa phương và có sự lựa chọn phân phối đầu tư một cách hợp lý.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, tập mẫu thiết kế điển hình này đưa ra 4 phương án thiết kế minh hoạ, trong đó 3 phương án là những đơn nguyên dành cho đối tượng độc thân và 1 phương án là đơn nguyên cho hộ gia đình gồm có: 1.1-01-07; 1.1-02-07; 1.1-03-07; 1.1-04-07.

Địa điểm xây dựng nhà ở phải thoả mãn các yêu cầu:

- Có điều kiện tối thiểu về cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Gần chỗ làm việc của công nhân, thuận lợi cho người công nhân có điều kiện tham gia các sinh hoạt văn hoá và dịch vụ công cộng.

- Đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường và đáp ứng yêu cầu của quy hoạch chung.

Đối với các căn hộ ở: Các không gian trong căn hộ ở cần bố trí linh hoạt, có khả năng thay đổi không gian, đáp ứng nhiều chức năng. Bố trí các phòng phụ như khu vệ sinh, tắm, bếp... độc lập với phòng khách (sinh hoạt chung). Không gian bếp, vệ sinh phải được ưu tiên tiếp xúc với bên ngoài để đảm bảo thông thoáng vệ sinh môi trường.

Yêu cầu chung của thiết kế kiến trúc là phải kết hợp hài hoà, phù hợp với điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán, văn hoá xã hội của từng đô thị, vùng miền.

Về kết cấu: sử dụng hệ thống kết cấu chịu lực bê tông cốt thép, tường xây gạch thông thường. Hoặc sử dụng tấm bê tông nhẹ 3D được sản xuất trên nền vật liệu mới là vữa bê tông nhẹ có gia cường cốt sợi gồm 2 loại (bê tông nhẹ cốt sợi tơ dừa, bê tông nhẹ cốt sợi tổng hợp). Ưu điểm của loại vật liệu này là có khả năng tiết kiệm thời gian thi công bằng các

vật liệu truyền thống, tạo được sự linh hoạt trong thiết kế, đa dạng về mẫu mã nhà ở, lắp dựng nhanh; Với đặc tính cách âm, cách nhiệt làm cho nhà thông thoáng. Công nghệ đơn giản với chi phí đầu tư thấp giúp hạ giá thành nhà từ 8 - 15%. Đối với loại nhà ở này cần đặc biệt chú ý tận dụng chiếu sáng tự nhiên. Hệ thống cấp và thoát nước phải đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh của Bộ Y tế.

Ngoài ra, cần phải xác định quy mô, vốn đầu tư và sử dụng các loại vật liệu phù hợp, tăng khả năng xã hội hoá trong xây dựng, đảm bảo cho người lao động có khả năng chi trả cho việc thuê nhà phù hợp với mức lương hiện nay.

Các phương án thiết kế nhà ở công nhân khu công nghiệp không có thiết kế móng. Các chủ đầu tư khi sử dụng và áp dụng cần lựa chọn cơ quan tư vấn để thiết kế vận dụng cho hoàn thiện.

Để đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, tiến tới hòa nhập với nền kinh tế thế giới trong thời điểm chúng ta đã vào WTO, cần nhanh chóng phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất tại các vùng miền trong cả nước. Một trong những yêu cầu không thể thiếu

trong quá trình phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất là tạo môi trường sống tốt hơn cho người lao động, động lực sản xuất cơ bản. Đề tài nhà ở công nhân khu công nghiệp hoàn thành đã đáp ứng được yêu cầu cấp bách mà xã hội đang quan tâm hiện nay.

Xây dựng, hoàn thiện chính sách nhà ở và chính sách khuyến khích đẩy mạnh đầu tư phát triển nhà ở cho công nhân, lao động theo hướng: Nhà nước miễn giảm thuế đất cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, cho phép các doanh nghiệp đầu tư xây nhà ở cho công nhân được tính vào giá trị đầu tư..., Nhà nước và doanh nghiệp cùng góp vốn, huy động thêm vốn của công nhân để xây dựng nhà bán trả góp cho công nhân hoặc cho công nhân thuê. Đồng thời, nghiên cứu chính sách hỗ trợ về nhà ở cho những gia đình công nhân nghèo, chính sách xây dựng khu gia đình tập thể công nhân, nhằm bảo đảm cho công nhân có nơi ở ổn định, an toàn, góp phần tái tạo sức lao động, xây dựng môi trường sống lành mạnh và đời sống văn hóa trong công nhân.

Minh Tâm

Hội thảo INDOPORLEN trong lò sản xuất xi măng

Ngày 14/3/2008 tại Hà Nội, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam đã phối hợp với Công ty INDO-PORLEN (Indônêxia) và đại diện của Công ty tại Việt Nam - Công ty GENES tổ chức Hội thảo INDOPORLEN trong lò sản xuất xi măng.

Indoporlen là một công ty chuyên sản xuất vật liệu chịu lửa như bê tông chịu nhiệt độ cao, gạch chịu lửa sử dụng trong các lò nung xi măng.

Sản phẩm của Công ty đã được sử dụng ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là ở Indônêxia. Trên thị trường Việt Nam đây là lần đầu tiên Indoporlen tiếp cận với các nhà sản xuất xi măng Việt Nam.

Tại Hội thảo Indoporlen giới thiệu các sản phẩm mới có chất lượng cao cũng như các dịch

vụ hỗ trợ kỹ thuật và các phát triển của sản phẩm.

Một trong những nội dung quan trọng của Hội thảo là báo cáo của Indoporlen giới thiệu kinh nghiệm và hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của việc sử dụng bê tông chịu nhiệt (BTCN) có chứa các búa silic (SiC) tại các khu vực có nhiệt độ cao và các khu vực xung yếu khác của lò nung xi măng.

Trong lò nung xi măng, BTCN ít xi măng và chứa từ 30% đến 60% các búa silic đã từng được sử dụng trong các ống dẫn nhiệt của lò sưởi với mục đích chống sự tăng cao của nhiệt độ. Tuy nhiên, do các búa silic dễ bị ô xy hoá (bị rỉ sét) trên nhiệt độ cao và trở thành ô xyt silic SiO₂ vì vậy trước đây việc sử dụng các búa

silic tại những vị trí như mép đầu ra của lò nung xi măng, vòi đốt và khung đốt của lò còn bị hạn chế.

Tại Hội thảo Cty Indoporlen chia sẻ kinh nghiệm của mình đối với những thành công trong việc sử dụng BTCN có chứa các búa silic tại những vị trí có nhiệt độ cao cùng với những vấn đề cần lưu ý đối với xưởng sản xuất xi măng.

Từ năm 1999, Indoporlen đã sử dụng BTCN có chứa các búa silic tại những vị trí phải chịu nhiệt độ cao trong lò nung xi măng và những kết quả tích cực đã được giới thiệu tại Hội nghị Xi măng châu Á tháng 6/2001 tại Kualalämpua (Malaixia).

Một ví dụ về thành công của việc sử dụng BTCN có các búa silic như sau: Lò nung xi măng đường kính 5,6 m dài 84 m, công suất 7.800 tấn/ngày của Nhà máy xi măng PT. Semen Gresik – Tuban 3 chỉ sau có 1 tháng kể từ ngày lò đi vào hoạt động đã xuất hiện hiện tượng gạch chịu lửa alumin lát bên trong lò bị vỡ và rơi xuống do sự biến dạng của vỏ lò trên một đoạn vỏ lò dài 2,5 m từ vị trí 40 m tính từ mép đầu ra lò cho đến vị trí 42,5 m. Indoporlen đã khắc phục tình trạng này bằng cách thay đoạn gạch chịu lửa alumin bị vỡ và rơi xuống bằng đồ lớp BTCN có chứa các búa silic trên chiều dài 2,5 m nêu trên. Kết quả cho thấy kể từ ngày lò bắt đầu hoạt động cho đến nay lớp BTCN nay vẫn không bị hư hỏng và tuổi thọ có thể đạt tới 2,5 năm.

Năm 1999, Indoporlen đã tiến hành nghiên cứu so sánh giữa việc sử dụng BTCN cao nhôm ít xi măng và BTCN ít xi măng và có các búa silic tại đầu ra của lò NSP đường kính 5,6 m và dài 80 m. Sau một năm vận hành, tại bề mặt BTCN không chứa các búa silic sau khi chịu nhiệt độ cao chiều dày bị ăn mòn khoảng 80 mm đến mức các đầu neo thép đã lộ ra, trong khi tại các vị trí sử dụng BTCN ít xi măng có chứa 47% các búa silic và cho thêm sợi thép thì bề mặt BTCN hầu như không bị ăn mòn (chiều dày lớp BTCN hầu như không thay đổi).

Indoporlen đã tiến hành thử nghiệm sử dụng BTCN alumin có chứa các búa silic tại mép đầu ra của lò như sau: Mép đầu ra lò trên một đoạn dài 38 cm được đặt râu thép và đồ lớp BTCN alumin có các búa silic, sau một thời gian hoạt động của lò việc kiểm tra cho thấy BTCN không bị hư hỏng hoặc ăn mòn mà chỉ xuất hiện khe hở giữa lớp BTCN và lớp gạch chịu nhiệt phía trong lò. Để khắc phục tình trạng trên, Indoporlen đã kéo dài đoạn BTCN này lên đến chiều dài 140 cm tính từ mép đầu ra lò vào phía trong, kết quả là kể từ ngày lò bắt đầu hoạt động vào tháng 1/2008 đến nay việc kiểm tra cho thấy không còn khe hở giữa đoạn mép đầu ra lò với lớp gạch chịu lửa bên trong.

Sau thành công này Indoporlen đã khuyến nghị sử dụng rộng rãi loại vật liệu chịu nhiệt có chứa các búa silic tại vị trí đầu ra lò. Hiện nay hầu như tất cả các lò xi măng ở Ấn Độ đều sử dụng loại BTCN chứa các búa silic và tuổi thọ trung bình của lò là 12 tháng. Trong nhiều trường hợp việc lựa chọn BTCN có các búa silic kết hợp với phương pháp thi công hợp lý có khả năng kéo dài tuổi thọ của lò lên 2 - 3 năm.

Indoporlen đã giới thiệu thành công trong việc sử dụng BTCN có các búa silic tại vòi đốt.

Vòi đốt của lò được bọc bởi lớp BTCN cao nhôm và ít xi măng. Sau 6 tháng hoạt động lớp vật liệu chịu nhiệt phía mặt dưới của vòi đốt bị nứt và bong tróc sau đó rơi xuống. Nguyên nhân của tình trạng này được xác định là do: Sốc nhiệt, ăn mòn hóa học, gỉ, nứt vỡ và sử dụng vật liệu chịu nhiệt không phù hợp.

Để khắc phục tình trạng trên Indoporlen đã sử dụng BTCN ít xi măng, cho thêm các búa silic và thép sợi để bọc ngoài vòi đốt trên một đoạn dài 4 m, trong đó trên 2 m đầu tiên từ đầu vòi đốt được bọc BTCN có hàm lượng các búa silic cao hơn so với trên 2 m sau của vòi đốt. Sau 6 tháng hoạt động lớp chịu nhiệt này vẫn không bị nứt, ăn mòn và bong tróc. Tuổi thọ của lớp chịu nhiệt này đến nay đã đạt 1,2 đến 1,5 năm.

Điều đó cho thấy việc sử dụng BTCN có các búa silic tại vòi đốt cho hiệu quả kinh tế - kỹ thuật cao.

Indoporlen cũng đã giới thiệu thành công trong sử dụng BTCN có chứa các búa silic tại hệ thống làm nguội của lò xi măng. Đây là một trong các vị trí xung yếu của lò xi măng, nơi thường xuyên phải chịu nhiệt độ cao và sự ăn mòn đối với không chỉ lớp vật liệu chịu nhiệt mà cả với neo thép. Kết quả là BTCN bị nứt, bong từng mảng; nhiệt thẩm thấu qua các khe nứt này tác dụng vào neo thép làm gỉ neo thép. Dưới tác dụng trọng lực của các mảng BTCN đã bị nứt và bong, từng khối BTCN kèm neo thép đã bị rơi xuống từ khu vực trần của hệ thống làm nguội này.

Indoporlen đưa ra giải pháp khắc phục tình trạng trên bằng cách sử dụng hệ thống “gió mở” thay cho hệ thống “gió kín” đồng thời cải tiến cách hàn neo thép chống bong mối hàn và sử dụng BTCN có chứa các búa silic được thi công bằng phương pháp bơm phụt. Tuổi thọ của lớp BTCN đã tăng từ 3 - 6 tháng lên 1 năm nhờ hiệu quả của BTCN chứa các búa silic và hệ thống “gió mở” tạo điều kiện cho gió nóng thoát ra tránh thẩm thấu gió nóng vào neo thép.

Để thi công lớp BTCN trên trần của hệ thống làm nguội. Indoporlen sử dụng phương pháp thi công bơm phụt vữa BTCN giúp giảm đáng kể thời gian thi công. Sau một năm sử dụng, phần BTCN bị hỏng được đục bỏ lộ neo thép sau đó bơm phụt vữa BTCN chứa các búa silic mới. Đây là phương pháp sửa chữa đơn giản, tiết

kiệm nhiều thời gian.

Trước xu hướng sử dụng nhiên liệu khác thay thế dầu hoặc khí đốt (thay thế từ 10% đến 15%) tình trạng ăn mòn do kiểm đối với lớp BTCN tại vòm trần của hệ thống làm nguội cũng tăng lên đáng kể. Indoporlen đề xuất và áp dụng giải pháp dùng BTCN alumin có chứa các búa silic được thi công bằng phương pháp đổ giúp tăng tuổi thọ của lớp BTCN này lên 3 - 5 năm.

Tại vị trí ghi làm nguội kiểu hành tinh, nếu sử dụng BTCN alumin thì tuổi thọ của lớp BTCN này là 6 - 12 tháng. Indoporlen đã sử dụng BTCN có chứa các búa silic tại vị trí này và tuổi thọ của lớp BTCN đã tăng lên tới 2,5 năm.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến khả năng chống ăn mòn của BTCN chứa các búa silic là trên nhiệt độ cao các búa silic chịu tác động của nhiệt độ làm hình thành pha thủy tinh. Pha thủy tinh bao phủ lên mặt ngoài của lớp BTCN tạo ra khả năng thẩm thấu kiểm và các tác nhân ăn mòn khác vào lớp BTCN này qua đó giảm tác dụng ăn mòn đối với lớp BTCN.

Tại Hội thảo các nhà sản xuất xi măng và các chuyên gia Việt Nam đã có cuộc trao đổi ý kiến rất bổ ích xung quanh các đặc tính kỹ thuật, hiệu quả ứng dụng các sản phẩm của Indoporlen và tìm hiểu khả năng ứng dụng các sản phẩm để nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế trong ngành công nghiệp xi măng Việt nam.

Huỳnh Phước

Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Trung Quốc dự kiến dành gần 1 tỷ USD cho chương trình nhà cho thuê giá rẻ trong năm 2008

Theo nguồn tin Tân hoa xã ngày 05/3/2008, Trung Quốc dự kiến dành 6,8 tỷ NDT (951 triệu USD) trong ngân sách năm 2008 để xây dựng nhà cho thuê giá rẻ nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân nghèo đô thị. Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo cho biết, con số này tăng 1,7 tỷ

NDT (238 triệu USD) (tương đương 33%) so với năm 2007. Chính phủ cũng yêu cầu chính quyền các địa phương tăng thêm kinh phí cho lĩnh vực này trong năm 2008.

Bên cạnh đó, chính phủ Trung Quốc sẽ xây dựng thêm nhà ở hợp túi tiền và siết chặt việc quản lý nhằm giải quyết các khó khăn về nhà ở của người dân đô thị có thu nhập thấp, đồng thời cải thiện điều kiện sống của công nhân

nhập cư nông thôn ở các thành phố.

Một loạt các biện pháp về thuế, tín dụng và cấp đất sẽ được thực hiện nhằm đẩy mạnh cung ứng nhà ở có giá hợp lý, hạn chế nhu cầu về nhà ở cao cấp và tránh sự gia tăng quá nóng về giá nhà ở.

Thủ tướng Ôn Gia Bảo cho biết thêm, Trung Quốc có dân số đông song diện tích đất có hạn, do đó Trung Quốc cần chuyển hướng sang xây dựng nhà ở thân môi trường có diện tích nhỏ và trung bình để bảo toàn đất đai và năng lượng. Sẽ có thêm đất được cấp cho những dự án loại này trong tương lai.

Chính phủ sẽ dành ưu tiên về nhà ở cho các gia đình có thu nhập trung bình và thấp, còn nhu cầu nhà ở của các gia đình có thu nhập cao sẽ được đáp ứng rộng rãi thông qua thị trường. Các động thái tích trữ và đầu cơ nhà, đất sẽ do các cơ quan có thẩm quyền giám sát theo dõi.

Kết quả thăm dò ý kiến trên mạng do Xinhuanet.com vừa thực hiện cho thấy, giá nhà ở gia tăng là một trong những mối lo ngại hàng đầu của người dân Trung Quốc. Anh Wen Fan, người tham gia thăm dò cho biết, anh chi tiêu rất tiết kiệm song giấc mơ sở hữu một ngôi nhà còn rất xa xôi. Tiết kiệm một nửa trong số 4.000NDT (563 USD) tiền lương hàng tháng thì anh Fan cần khoảng 40 năm để mua một căn hộ 1 phòng ở Bắc Kinh do giá của phần lớn các căn hộ mới xây vào khoảng 10.000NDT/m² (1.408 USD/m²). Nếu đi vay ngân hàng thì mất thêm 20 – 30 năm để trả toàn bộ số nợ với tình hình tài chính của anh như hiện nay. Đối với công nhân ở các thành phố thì việc sở hữu một căn hộ thậm chí còn khó khăn hơn rất nhiều.

Hiện nay, Chủ trương của Chính phủ Trung Quốc là tăng ngân sách cho chương trình nhà ở giá rẻ cho thấy sự quyết tâm của chính phủ trong việc đưa lợi ích của người dân lên hàng đầu. Việc đẩy mạnh chương trình nhà cho thuê giá rẻ là bước tiến quan trọng nhằm đảm bảo cho mọi người dân đều có chỗ ở. Một số nhà phân tích cho rằng đây là một trong những biện pháp kiểm soát vĩ mô quan trọng nhằm hạn chế sự tăng giá nhà ở.

Theo các số liệu do Bộ Xây dựng Trung Quốc công bố, tính đến cuối năm 2007, chương trình nhà ở giá rẻ đã giúp cho 950.000 hộ gia đình có thu nhập thấp tại các đô thị trên toàn quốc cải thiện các điều kiện sống.

<http://news.xinhuanet.com>

Holcim chế tạo loại bê tông mới sử dụng tại các bãi đỗ xe ô tô

Công ty xi măng Holcim Singapore vừa giới thiệu một loại bê tông mới chuyên để sử dụng cho xây dựng các bãi đỗ xe ô tô. Loại vật liệu này có tác dụng như một cái sàng, cho phép nước mưa thoát đi, không bị đọng lại thành vũng và giúp khu vực đỗ xe được khô thoáng, sạch sẽ. Phát minh này có tên gọi Permecrete.

Công ty Holcim đã đề xuất sử dụng Permecrete tại khu nghỉ dưỡng tổng hợp Marina Bay Sands, đồng thời công ty cũng có kế hoạch bán sản phẩm trên cho Ủy Ban Phát triển và Nhà ở (HDB) và các công ty bất động sản khác tại Singapore. Theo đại diện của Holcim, Permecrete được coi là một phương thức phát triển bền vững, đặc biệt là khi việc cung ứng cát gặp khó khăn.

Tiến sỹ Sujit Ghosh, Phó giám đốc kinh doanh của Holcim cho biết, đây là lần đầu tiên sản phẩm Permecrete, còn gọi là bê tông ít cát được phát triển và sử dụng tại các bãi đỗ xe ô tô ở Singapore. Chi phí sản xuất Permecrete được hạn chế đáng kể do không cần sử dụng cát – một trong những thành phần của bê tông, do đó chi phí sẽ không đắt hơn so với bê tông thường.

Holcim sẽ tiếp tục nghiên cứu để cải thiện sản phẩm, kể cả việc tăng cường sử dụng nguyên vật liệu tái chế, phế thải xây dựng từ việc phá dỡ công trình. Hiện nay, khối lượng chất thải phá dỡ tái chế trên thị trường Singapore đạt trên 1 triệu tấn và có thể tận dụng được trong các ứng dụng phi kết cấu và giảm lượng nguyên vật liệu thô phải nhập khẩu.

<http://sg.news.yahoo.com/>

Anh: Các quy định mới nhằm kiểm soát chất thải xây dựng

Tất cả các dự án xây dựng ở Anh có trị giá từ 300.000 bảng Anh trở lên sẽ phải xây dựng các kế hoạch vận chuyển vật liệu xây dựng và các sản phẩm phế thải ra khỏi công trường xây dựng.

Theo các quy định mới bắt đầu có hiệu lực từ tháng 4/2008, các công ty xây dựng và các nhà phát triển tại Anh sẽ phải đưa ra Kế hoạch Quản lý Chất thải tại công trường (SWMP). Theo đó, cần đảm bảo chất thải được loại xử lý đúng quy định và công tác tái chế, tái sử dụng chất thải đạt mức tối đa. Các kế hoạch này phải được soạn thảo trong giai đoạn thiết kế dự án và phải được theo dõi, cập nhật trong suốt quá trình thi công.

Có 2 loại SWMP – một loại đơn giản hơn dành cho các dự án trị giá từ 300.000 - 500.000 bảng Anh và loại còn lại dành cho các dự án trị giá từ 500.000 bảng Anh trở lên.

Các công ty xây dựng và nhà thầu phải có trách nhiệm đảm bảo tuân thủ SWMP. Nếu vi phạm có thể bị phạt hoặc thậm chí bị Cục Môi trường hoặc các cơ quan chức năng địa phương truy tố.

WRAP (Kế hoạch Hành động Rác thải và Tài nguyên) của Anh sẽ giúp các công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, đồng thời là cơ sở để xây dựng SWMPs.

Giám đốc chương trình WRAP, ông Mervyn Jones cho biết, SWMPs sẽ trở thành quy định bắt buộc và nó không chỉ giúp cho ngành xây dựng và khách hàng của ngành tuân theo các quy định của pháp luật mà nó còn hình thành thói quen giảm chất thải và sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả hơn.

Việc công bố SWMPs bắt buộc đã làm tăng các lo ngại trong nhiều bộ phận của ngành xây dựng. Liên đoàn Các công ty Xây dựng Nhà ở là một trong những tổ chức tổ ý quan ngại các quy định sẽ đặt thêm gánh nặng lên vai các nhà phát triển, và các dự án nhỏ lẻ sẽ càng vô trách nhiệm đối với việc xử lý và vận chuyển chất thải.

Để biết thêm chi tiết và các hướng dẫn về SWMP của WRAP, có thể xem tại

<http://www.wrap.org.uk/construction/>
<http://www.edie.net/news>

Gia cường độ uốn của các dầm RC bằng các tấm CFRP ứng suất trước: Phát triển các hệ thống neo phi kim loại

Tạp chí Hỗ trợ trong Xây dựng (Mỹ), tháng 1-2/2008

Tác giả: Yail J. Kim(1), R. Gordon Wight(2) và Mark F. Green(3)

(1) Phó tiến sĩ, Khoa Xây dựng Dân dụng, Đại học Queens, Canada. E-mail: jimmy@civil.queensu.ca

(2) Phó giáo sư, Khoa Xây dựng Dân dụng, Trường Cao đẳng Quân đội Hoàng gia Canada. E-mail: wight-g@rmc.ca

(3) Giáo sư, Khoa Xây dựng Dân dụng, Đại học Queens, Canada. E-mail: greenm@civil.queensu.ca

Tóm tắt nghiên cứu: Tài liệu này giới thiệu một kỹ thuật neo cải tiến để gia cường các dầm bê tông cốt thép bằng các tấm polyme cốt sợi các bon ứng suất trước (CFRP). Các neo bằng thép cố định thường được dùng để ghép các tấm CFRP ứng suất trước. Tuy nhiên, các neo thép dễ bị ăn mòn và có thể không phù hợp với yêu cầu thẩm mỹ của kết cấu. Do đó, cần có giải pháp tháo rời các neo thép sau khi truyền ứng suất cần thiết sang kết cấu với mức độ tổn hao ứng suất trước tối thiểu. Tài liệu này nghiên cứu và công bố một kỹ thuật thay thế các neo thép bằng các neo phi kim. 9 dầm bê tông cốt thép đôi được thử nghiệm bằng các hệ thống neo phi kim khác nhau. Kết quả cho thấy, các neo phi kim trong thử nghiệm truyền được ứng lực trước trong các tấm CFRP với mức độ tổn hao ứng suất trước không đáng kể.

<http://ascelibrary.aip.org>

Dự báo sự ăn mòn cốt thép trong bê tông và ảnh hưởng của nó tới sự suy giảm cường độ và hình thành vết nứt trong bê tông

Tác giả: Chun-Qing Li, Yang Yang và Robert E. Melchers

Tạp chí Vật liệu Xây dựng tháng 1/2008

Tóm tắt nghiên cứu:

Dựa trên nghiên cứu mở rộng về ăn mòn cốt thép trong bê tông trong các thập kỷ qua, người ta có thể đánh giá tác động của sự gia tăng ăn mòn cốt thép trong bê tông đối với tính năng kết cấu của chúng. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề cần nghiên cứu thêm. Tài liệu này sử dụng một mô hình mới về ăn mòn cốt thép trong bê tông nhằm cải tiến quy trình đánh giá và đưa ra các đề xuất thực tiễn. Đặc biệt, các mô hình ngẫu nhiên được dùng để dự đoán thời gian diễn ra trong mỗi giai đoạn của toàn bộ quá trình ăn mòn: thời điểm bắt đầu, sự hình thành vết nứt bê tông do ăn mòn và sự suy giảm cường độ kết cấu. Nghiên cứu thấy rằng, đối với các kết cấu dạng uốn dưới tác động của clorua, thời điểm bắt đầu ăn mòn có thể diễn ra khá sớm trong khoảng thời gian phục vụ của chúng. Nghiên cứu cũng thấy rằng, một khi kết cấu được coi là không thể phục vụ được do sự hình thành vết nứt do ăn mòn thì vẫn còn có thể phục vụ trong một khoảng thời gian đáng kể trước khi kết cấu đó được cho là không an toàn. Các bước được đề xuất trong tài liệu có thể giúp cho các nhà kinh doanh và các nhà quản lý tài sản đưa ra các quyết định về thời gian gia cường, sửa chữa tối ưu hoặc phục hồi hạ tầng bê tông bị ăn mòn. Sự can thiệp đúng lúc có thể kéo dài tuổi thọ phục vụ của bê tông.

<http://www.concrete.org>

Mối nguy hại do phong hoá đối với bê tông đặt trong môi trường Natri sulfat

Tác giả: Harvey Haynes, Robert O'Neill, Michael Neff và P. Kumar Mehta

Tạp chí Vật liệu, tháng 2/2008

Tóm tắt nghiên cứu: Dưới tác động của môi trường, các công trình tường niệm bằng đá được coi là chịu được sự phong hoá của muối hoặc ăn mòn bởi muối tự nhiên. Một hiện tượng tương tự được khám phá đối với bê tông tổ ong thường được đặt trong đất chứa natri sulfat. Hiện tượng ăn mòn tự nhiên đối với bê tông loại này đã được các nhà nghiên cứu quan sát, chú trọng tới sự ăn mòn do sulfat hoá học vốn được

coi là có khả năng gây nguy hại cho công trình. Tài liệu này tập trung vào việc nghiên cứu hiện tượng ăn mòn tự nhiên. Để thúc đẩy quá trình này, một hỗn hợp bê tông đã được chế tạo bằng xi măng poóc-lăng loại II ASTM, C3A thấp, sử dụng tỷ lệ nước/xi măng (w/c) là 0,65. Sau quy trình bảo dưỡng, các mẫu thử bê tông hình trụ được phủ một phần bằng dung dịch natri sulfat 5% trong các giai đoạn kéo dài tới 3 năm. Các thử nghiệm đã được kiểm soát dưới các chu kỳ nhiệt độ và độ ẩm mô phỏng các điều kiện xung quanh khác nhau, một trong số đó đã thúc đẩy các chu kỳ chuyển hoá giữa thenardite Na_2SO_4 và mirabilite ($\text{Na}_2\text{SO}_4 \cdot 10\text{H}_2\text{O}$). Nhìn chung, kết quả cho thấy, hiện tượng bong tróc bê tông đã xuất hiện tại các bề mặt bị bay hơi ngay phía trên mực dung dịch và sự bong tróc bê tông đã xuất hiện đáng kể khi bê tông phải chịu tác động của nhiều chu kỳ bay hơi $\text{Na}_2\text{SO}_4 \cdot 10\text{H}_2\text{O}$

<http://www.concrete.org>

Mô phỏng thử nghiệm áp lực lên ván khuôn của bê tông tự lèn

Tác giả: Amedeo Gregori, Raissa P. Ferron, Zhihui Sun và Surendra P. Shah

Tạp chí Vật liệu, tháng 2/2008

Tóm tắt nghiên cứu: Mục tiêu của nghiên cứu này là phát triển một thiết bị trong phòng thí nghiệm nhằm mô tả ứng xử áp lực lên ván khuôn của bê tông tự lèn. Việc phát triển của thiết bị kiểu trên sẽ làm giảm chi phí và thời gian so với nghiên cứu tương tự được áp dụng trên các kết cấu thực tế. Các ảnh hưởng của tỷ lệ đúc bê tông và thành phần hỗn hợp đã được nghiên cứu bằng cách tạo ra áp lực trên một khối lượng vật liệu trong một hình trụ và ghi lại sự gia tăng áp lực theo phương ngang. Công tác đo các cột với chiều cao 14m và hai tỷ lệ đúc khác nhau đã được mô phỏng. Các hỗn hợp được thiết kế sử dụng 4 tỷ lệ nước-chất kết dính (w/b) và các thành phần chất kết dính khác nhau. Kết quả cho thấy, áp lực lên ván luôn thấp hơn so với áp lực thủy tĩnh. Các áp lực cao hơn khi tỷ lệ w/b và tỷ lệ đúc cao hơn. áp lực lên

ván khuôn giảm tới 50% so với áp lực thủy tĩnh với tỷ lệ đúc 7m/giờ và tỷ lệ w/b là 0,32. Dữ liệu nghiên cứu cũng cho thấy sự có mặt của phụ gia tro bay cũng làm giảm áp lực lên ván khuôn bê tông tự lèn.

<http://www.concrete.org>

Các đặc điểm trạng thái tươi của bê tông bọt

Tác giả: E.K Kunhanndan Nambiar (1) và K. Ramamurthy

Tạp chí: Xây dựng dân dụng tháng 2/2008

(1) và (2) Phòng quản lý xây dựng và công nghệ xây dựng, Khoa Xây dựng dân dụng, Đại học công nghệ Madras, Ấn Độ.

Tóm tắt nội dung nghiên cứu:

Các tác giả giới thiệu công trình nghiên cứu về sự ảnh hưởng của thành phần phụ gia đối với các đặc tính của bê tông bọt ở trạng thái

tươi. Sự ổn định của cấp phối về tỷ lệ nước /chất rắn để tạo ra một hỗn hợp bê tông bọt ổn định đạt độ đặc thiết kế đã được xác định ứng với các chỉ tiêu khác nhau của hỗn hợp. Tính ổn định của hỗn hợp bê tông bọt được tính toán về các chỉ tiêu tỷ lệ phân tán sử dụng thí nghiệm côn chảy và thời gian chảy sử dụng thí nghiệm côn Marsh. Các đặc tính của bê tông bọt ở trạng thái tươi, sự ổn định của bê tông bọt... chịu tác động đáng kể bởi hàm lượng nước trong hỗn hợp và lượng phụ gia bọt và các thành phần rắn khác trong hỗn hợp. Các phương trình hồi quy để dự báo giá trị chảy của bê tông bọt dựa trên các kết quả thực nghiệm đã được đưa ra. Các kết quả nghiên cứu sẽ giúp cho việc tính toán hàm lượng nước trong hỗn hợp bê tông bọt để đáp ứng được chất lượng theo yêu cầu thiết kế.

Nguồn: <http://ascelibrary.aip.org>

LỄ CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP CỤC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ VIỆN KIẾN TRÚC, QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN



Đ/c Nguyễn Hồng Quân - Ủy viên TƯ Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng - chủ trì và phát biểu tại Lễ công bố các quyết định thành lập Cục Phát triển đô thị và Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn



Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân chụp ảnh lưu niệm với lãnh đạo chủ chốt của Viện Nghiên cứu Kiến trúc Quốc gia và Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn